

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *182* /BC-BQP

Hà Nội, ngày *19* tháng *01* năm *2023*

BÁO CÁO

**Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng
Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp**

PHẦN I - XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tác động nhiều chiều đến môi trường an ninh và phát triển của đất nước. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức; các mâu thuẫn cơ bản của thời đại tiếp tục tồn tại và phát triển. Cạnh tranh chiến lược, xung đột cục bộ, an ninh chính trị, an ninh phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao, bạo loạn, can thiệp, lật đổ, khủng bố tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp và quyết liệt dưới nhiều hình thức. Các thế lực hiếu chiến hoặc các nước tiến hành “cách mạng màu”, sử dụng tổng hợp các biện pháp phi vũ trang và vũ trang, thực hiện “diễn biến hoà bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc, dân chủ, nhân quyền, phối hợp với các tổ chức đảng phái phản động gây bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang, gây nội chiến, tạo cớ, can thiệp quân sự từ bên ngoài, lập vùng “cắm bay”, bao vây, cấm vận, cô lập...; đẩy nhanh phát triển vũ khí siêu thanh, đưa vào trang bị nhiều loại vũ khí mới, hiện đại, chủ động phát triển các vũ khí sử dụng công nghệ nano, gen, môi trường điện từ... Chiến tranh thông tin, chiến tranh mạng ngày càng phổ biến, thực hiện chiến trường không biên giới, tự động hoá, nguy trang tàng hình kết hợp với các phương thức tiến công quân sự làm giảm hiệu quả đối phó của đối phương.

Xung đột vũ trang biên giới, xung đột tôn giáo, sắc tộc, ly khai, mất ổn định ở nhiều quốc gia và gần đây là xung đột quân sự Nga - Ucraina đã tác động tiêu cực đến mọi mặt toàn thế giới. Mỹ và đồng minh tổ chức nhiều cuộc diễn tập quy mô lớn ở Biển Đông; Trung Quốc ban hành Luật Hải cảnh, Luật Bảo vệ và quản lý biên giới, tăng cường các hoạt động khẳng định chủ quyền theo yêu sách “Tứ Sa”.

Trong nước, các thế lực thù địch dùng nhiều thủ đoạn để hậu thuẫn xây dựng lực lượng phản động lưu vong, đồng minh, tay sai hoạt động ngầm ở Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, trong các tôn giáo, trung tâm thành phố lớn... tạo cớ nhằm áp đặt, kích động bạo loạn ở một số khu vực hoặc trên tuyến biên giới.

Môi trường quốc tế, quan hệ với đối tượng và đối tác, thị trường quốc tế liên quan tới mua bán vũ khí và công nghệ quân sự có những thay đổi đòi hỏi phải có

các giải pháp, thích ứng phù hợp. Công nghiệp quốc phòng (CNQP) nhiều nước trên thế giới có xu hướng đẩy mạnh tiếp cận công nghệ quân sự và công nghệ lưỡng dụng tiếp tục có những bước nhảy vọt, nhiều loại vũ khí mới ra đời, xu hướng chiến tranh hiện đại sử dụng vũ khí công nghệ cao ngày càng phổ biến; Công nghiệp an ninh (CNAN) phát triển, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ lưỡng dụng, nhiều loại phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ mới ra đời, phục vụ đấu tranh với các loại tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao, an ninh phi truyền thống... Do tác động của đại dịch Covid-19 và tác động của biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống xã hội; toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra với tốc độ rất nhanh tạo ra nhiều thách thức, đồng thời cũng mở ra nhiều cơ hội đối với sự phát triển CNQP, an ninh (CNQP, AN) của mỗi quốc gia.

Trước tình hình đó đòi hỏi phải xây dựng và phát triển tiềm lực CNQP, AN tự lực, tự cường, hiện đại, lưỡng dụng; thực hiện động viên công nghiệp (ĐVCN) rộng khắp làm chủ vũ khí hiện đại và các phương án sẵn sàng chuyển trạng thái, chuẩn bị cho chiến tranh; tổ chức quy hoạch và chuẩn bị phương án bố trí các cơ sở CNQP, AN và ĐVCN trên các địa bàn chiến lược; tổ chức nghiên cứu, chế tạo, sản xuất một số loại vũ khí, trang bị kỹ thuật (VKTBKT), phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ có ý nghĩa chiến lược để phòng thủ Tổ quốc, bảo vệ các đảo, quần đảo, tiến công các mục tiêu từ xa, trên không, trên biển, phòng chống vũ khí hủy diệt hàng loạt của địch, phương tiện đánh địch tiên công trên bộ, phương tiện cho chiến tranh trên không, cho tác chiến biển đảo và cho chiến tranh nhân dân trong khu vực phòng thủ, phòng chống tội phạm công nghệ cao, bạo loạn, can thiệp, lật đổ, khủng bố gây bất ổn chính trị, trật tự an toàn xã hội để chủ động ngăn ngừa từ sớm, từ xa, đẩy lùi và sẵn sàng đối phó thắng lợi trong mọi tình huống, đủ nội lực đánh bại mọi hình thức chiến tranh xâm lược, bảo vệ an ninh quốc gia.

Ở trong nước, sau hơn 35 năm đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật: Hệ thống pháp luật ngày càng được hoàn thiện, có nhiều đổi mới, thực chất, chất lượng nâng cao; tổ chức bộ máy Nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn; nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển, quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên, chất lượng tăng trưởng được cải thiện. Doanh nghiệp nhà nước được tiến hành sắp xếp, tổ chức lại, Nhà nước chỉ nắm giữ những lĩnh vực trọng yếu, then chốt; kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh, dần khẳng định vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta; tiềm lực khoa học công nghệ (KH-CN) của đất nước được tăng cường, đóng góp tích cực vào nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, bước đầu tiếp cận và thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, không ngừng mở rộng đi vào chiều sâu, thế và lực của đất nước không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế; tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường.

Trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế - xã hội thế giới và trong nước có nhiều biến động, khó khăn, thách thức nêu trên, CNQP, AN và ĐVCN đã có những đóng góp quan trọng trong chiến lược đảm bảo VKTBKT, phương tiện

kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng vũ trang nhân dân (LLVTND) và tham gia phát triển kinh tế đất nước.

Qua gần 20 năm triển khai Pháp lệnh ĐVCN và hơn 12 năm thực hiện Pháp lệnh CNQP; CNQP, ĐVCN đã đạt được nhiều kết quả và thành tựu quan trọng, công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các Pháp lệnh được triển khai đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, tạo sự chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn dân về xây dựng và phát triển CNQP, ĐVCN trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động CNQP, ĐVCN ngày càng được nâng cao; cơ cấu và tổ chức lực lượng CNQP từng bước được củng cố và phát triển; sự gắn kết giữa CNQP và công nghiệp dân sinh có bước đổi mới, đi vào thực chất góp phần quan trọng duy trì năng lực sản xuất quốc phòng (SXQP) và đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng phát triển kinh tế, xã hội đất nước; hoạt động KHCN ngày càng lớn mạnh cả chiều rộng lẫn chiều sâu, phục vụ đắc lực nhiệm vụ nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu VKTBKT cho LLVTND, tạo đột phá về năng lực sản xuất VKTBKT; đội ngũ cán bộ nghiên cứu, cán bộ khoa học, kỹ thuật công nghệ, công nhân lành nghề tăng mạnh về số lượng và chất lượng; việc thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với các cơ sở CNQP nòng cốt và cơ sở ĐVCN đảm bảo khách quan, dân chủ, đúng quy định góp phần giữ gìn đội ngũ, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; lĩnh vực hợp tác quốc tế về CNQP có nhiều đổi mới, phát triển, trở thành trụ cột trong đối ngoại quốc phòng, góp phần quan trọng bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa.

Đối với CNAN, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, CNAN đã được hình thành và phát triển gắn với quá trình xây dựng lực lượng Công an nhân dân qua các thời kỳ lịch sử; từ các cơ sở sửa chữa, cải tiến đến các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị, vật tư kỹ thuật nghiệp vụ trực tiếp phục vụ công tác công an. Chủ trương về phát triển CNAN có từ năm 2011, được ghi nhận trong Văn kiện Đại hội lần thứ XI, XII, XIII của Đảng, Hiến pháp 2013 (Điều 68) và được cụ thể hóa trong Luật Công an nhân dân 2018 (Điều 34), Luật Quốc phòng 2018 (Điều 12), Nghị định số 63/2020/NĐ-CP ngày 08/6/2020 của Chính phủ quy định về công nghiệp an ninh. Điều đó khẳng định, Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm đến CNAN, thực tế CNAN đã ngày càng có những bước phát triển về năng lực sản xuất, cơ sở vật chất, nhân lực, cơ cấu tổ chức. Bộ Công an đã xây dựng và triển khai nhiều chương trình, đề án, dự án đầu tư tạo tiền đề hình thành cơ sở vật chất, hạ tầng phát triển CNAN; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học - kỹ thuật - công nghệ, phát triển sản phẩm an ninh phục vụ công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân; mở rộng công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế về CNAN (như chuyên giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực...).

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả chủ yếu đã đạt được nêu trên, nhiệm vụ xây dựng, phát triển CNQP, AN và ĐVCN vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập như:

Thứ nhất, các văn bản quy phạm pháp luật về CNQP, CNAN và ĐVCN chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển CNQP, AN và nhiệm vụ ĐVCN trong tình hình mới, như: Văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh CNQP, Pháp lệnh ĐVCN quy định chưa đầy đủ, cụ thể, rõ ràng gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện; một số quy định của Pháp lệnh CNQP, Pháp lệnh ĐVCN còn có nội dung chưa thống nhất và hiện nay không còn phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành¹; CNAN được quy định rải rác ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau từ Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư... gây ra nhiều khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện; thiếu hành lang pháp lý cho doanh nghiệp CNQP, doanh nghiệp CNAN tham gia nghiên cứu, thiết kế, sản xuất sản phẩm công nghệ cao đạt hiệu quả (Các quy định về cơ chế sử dụng Quỹ phát triển KH-CN để hợp tác với các tổ chức KH-CN, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; hướng dẫn đăng ký và chế tài bảo hộ sáng chế mật; quy định về cơ chế đặc thù trong mua sắm vật tư, linh kiện, thiết bị, máy móc phục vụ cho các nhiệm vụ CNQP, AN; quy định để định giá các sản phẩm CNQP công nghệ cao, CNAN mạng).

Thứ hai, chức năng quản lý nhà nước về CNQP, CNAN và ĐVCN chưa phát huy tối đa hiệu lực trong phối hợp với các bộ, ban, ngành, địa phương tham mưu cho Đảng, Nhà nước về xây dựng và phát triển CNQP, AN và ĐVCN. Công tác quy hoạch phát triển CNQP trong tổng thể công nghiệp quốc gia, của từng địa phương chưa được coi trọng đúng mức; việc tham gia của công nghiệp dân sinh cho CNQP, CNAN hạn chế; CNQP, CNAN chưa có tính lưỡng dụng cao để kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh. Việc lập các Quy hoạch, Kế hoạch phát triển CNQP; Chương trình, kế hoạch phát triển CNAN; Quy hoạch về ĐVCN có bước đổi mới, nhưng tính thực tiễn, hiệu quả còn chưa cao. Chưa gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu thiết kế với sản xuất, sửa chữa và với khai thác sử dụng. Tiềm lực CNQP, năng lực ĐVCN để chuẩn bị cho thời chiến còn hạn chế.

Thứ ba, phân định nhiệm vụ giữa CNQP và CNAN trong đảm bảo các sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh cần rõ ràng, minh bạch để tránh đầu tư dàn trải nguồn lực của Nhà nước cho cùng một mục tiêu quốc phòng, an ninh. Cơ chế giao nhiệm vụ, đầu tư trong ĐVCN chưa đầy đủ và phù hợp, chưa thống nhất với hệ thống pháp luật về ngân sách, đấu thầu, giá, từ đó chưa tạo được động lực để huy động và tận dụng năng lực sẵn có của doanh nghiệp ngoài LLVTND vào sản xuất, sửa chữa vũ khí, trang bị cho Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ; trong quá trình thực hiện có những bất cập nhất định (qua nhiều khâu triển khai, thiếu tính chủ động và kịp thời; hiệu quả thấp và gây lãng phí khi doanh nghiệp sáp nhập,

¹Luật Quốc phòng 2018 và Luật Công an nhân dân 2018 về nội dung CNQP, an ninh; Luật Doanh nghiệp 2014 về quản lý, cung cấp thông tin doanh nghiệp; Luật Đầu tư công 2019 về sử dụng và quản lý vốn đầu tư công; Luật Ngân sách nhà nước 2015 về lập, chấp hành ngân sách nhà nước (NSNN); Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ 2017 về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ; Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2019 quy định liên quan đến đăng ký, sử dụng, chuyển giao thông tin, tài liệu, sáng chế; Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng 2016 quy định tuyển dụng, tuyển chọn, chế độ chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng...

chia tách, phá sản, giải thể, đổi mới công nghệ, thay đổi mục đích kinh doanh... dẫn đến không còn khả năng thực hiện nhiệm vụ ĐVCN); sự thu hút các thành phần kinh tế dân sinh tham gia SXQP còn nhiều hạn chế; cơ chế ưu tiên sử dụng các sản phẩm do CNQP, CNAN sản xuất chưa được hoàn thiện.

Thứ tư, chưa xây dựng các cơ chế đặc thù và luật hoá chủ trương của Đảng thành cơ chế, chính sách trên các nội dung trọng yếu của CNQP, CNAN như: đào tạo, gìn giữ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; huy động tiềm lực và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư nâng cao tiềm lực cho CNQP, AN; KHCN và sản xuất sản phẩm quốc phòng công nghệ cao; sản phẩm an ninh mạng và sản phẩm chuyên dụng phục vụ an ninh. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu thiết kế, chế tạo VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa có nhiều nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, nhất là lĩnh vực thiết kế VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ. Cơ chế, chính sách về KHCN, cơ chế quản lý, điều hành các chương trình, dự án KHCN nghiên cứu, thiết kế, chế tạo VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ mới còn bất cập, chông chéo, chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ quản và đơn vị chủ trì. Việc áp dụng Luật Sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu, thiết kế, chế tạo VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ mới còn bất cập.

Thứ năm, trong hội nhập quốc tế CNQP, CNAN chủ yếu diễn ra một chiều, phần lớn là nhập khẩu VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ từ các nước; cơ chế xuất khẩu sản phẩm CNQP, AN còn chưa rõ ràng, khó thực hiện; chưa thâm nhập sâu rộng vào thị trường xuất khẩu vũ khí quân dụng, cũng như sản phẩm phục vụ an ninh. Chưa hình thành các liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài trong một số lĩnh vực CNQP, AN; sản phẩm quốc phòng an ninh xuất khẩu, năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của nhiều doanh nghiệp CNQP, doanh nghiệp CNAN còn hạn chế.

Thứ sáu, còn nhiều hạn chế bất cập trong triển khai thực hiện nhiệm vụ ĐVCN. Đối tượng doanh nghiệp và lĩnh vực công nghệ được ĐVCN còn bó hẹp, chưa sát với thực tiễn, chưa phù hợp với xu thế hội nhập thế giới để tiếp cận tích cực hơn nữa nguồn lực công nghiệp của các thành phần kinh tế, trong đó có các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Chưa chú trọng phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sản xuất các sản phẩm có tính lưỡng dụng, vừa phục vụ cho phát triển kinh tế, vừa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng. Việc huy động năng lực của doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ ĐVCN chưa tương xứng với tiềm lực công nghiệp của đất nước, còn nhỏ lẻ và phân tán, hiệu quả chưa cao; các dây chuyền của doanh nghiệp được ĐVCN có trang thiết bị công nghệ hiện đại chiếm tỉ lệ thấp; chỉ tham gia sản xuất một số loại đạn hỏa lực bộ binh và lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa được một số ít chủng loại vũ khí trang bị; chưa có khả năng sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị hiện đại, công nghệ cao. Chưa quy định về trách nhiệm của Chủ doanh nghiệp và người lao động trong dây chuyền ĐVCN khi chuẩn bị và thực hành ĐVCN dẫn đến việc huy động, duy trì nguồn nhân lực cho nhiệm vụ ĐVCN gặp khó khăn, trở ngại nhất định. Chế độ, chính sách trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN mới chỉ là quy định

khung, chưa đầy đủ; cụ thể; chưa phù hợp với hoạt động đặc thù của ĐVCN dẫn đến khó khăn, lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện, giải quyết những chính sách này; chưa có cơ chế bảo đảm, hỗ trợ, thu hút, khuyến khích, ưu tiên doanh nghiệp, cá nhân tham gia ĐVCN.

Với vai trò là một yếu tố quan trọng của tiềm lực quốc phòng an ninh, góp phần bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia từ sớm, từ xa, CNQP, CNAN và ĐVCN luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, chăm lo, chỉ đạo sát sao trong quá trình xây dựng và phát triển, cụ thể:

- Các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng và phát triển CNQP, AN và ĐVCN được thể hiện trong các văn kiện như:

Nghị quyết Đại hội XI, XII, nhất là Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra định hướng *“Xây dựng, phát triển CNQP, CNAN hiện đại, lưỡng dụng vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội; có cơ chế huy động nguồn lực từ địa phương và nguồn lực xã hội cho xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh tại các khu vực phòng thủ”*. Nghị quyết cũng khẳng định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là *“Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, ... xây dựng và củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân”*. Đồng thời, Nghị quyết đã đề ra các giải pháp cho phát triển CNQP, AN: *“Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng thu hút, đào tạo nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, “Bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh và liên quan đến quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới. Chủ động tăng cường hợp tác và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về quốc phòng, an ninh”, “Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh phù hợp với hội nhập quốc tế và yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”*.

Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, Nghị quyết 05/BCT ngày 20/7/1993 của Bộ Chính trị đã xác định đường lối xây dựng CNQP và ĐVCN, chỉ rõ xây dựng CNQP phù hợp với khả năng của nền kinh tế, làm nòng cốt cùng các ngành công nghiệp dân dụng bảo đảm nhiệm vụ sửa chữa, phục hồi và sản xuất một phần trang bị, đáp ứng yêu cầu động viên công nghiệp khi tình thế đòi hỏi; yêu cầu cần sớm có hệ thống văn bản pháp quy nhà nước và cơ chế chuẩn bị ĐVCN trong điều kiện kinh tế thị trường.

Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã khẳng định cần ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp cơ bản, tạo nền tảng cho CNQP, AN.

Kết luận số 25-TB/TW ngày 11/4/2017 Bộ Chính trị về Đề án *“Đẩy mạnh phát triển CNQP, AN đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”* xác định phát triển CNQP, AN cần phải đặt trong tổng thể phát triển công nghiệp quốc gia, đồng ý với quan điểm những gì công nghiệp quốc gia và CNQP đã làm được thì CNAN không làm nữa, tránh trùng lặp như đề xuất trong Đề án.

Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045 xác định “*Phát triển CNQP, AN theo hướng lưỡng dụng, thực sự trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia; tăng cường tiềm lực, tận dụng và phát triển liên kết CNQP, AN và công nghiệp dân sinh*”.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về “*Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” tiếp tục khẳng định “*Phát triển CNQP, CNAN theo hướng lưỡng dụng, hiện đại, tự lực, tự cường, liên kết chặt chẽ với công nghiệp dân sinh, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia*”; đồng thời, nhấn mạnh “*Ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số, CNQP, AN, năng lượng,...*”, “*Thể chế hóa các cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển CNQP, CNAN theo hướng lưỡng dụng, hiện đại*”, “*Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết, đầu tư nguồn lực hỗ trợ các cơ sở dân sinh phục vụ CNQP, CNAN. Cơ cấu lại các cơ sở CNQP, hình thành các cơ sở CNAN bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, hiện đại theo hướng lưỡng dụng, hiện đại*”.

- Ngoài ra, để phù hợp với đặc thù của CNQP, Bộ Chính trị đã ban hành các Nghị quyết chuyên đề như:

Nghị quyết số 05/BCT ngày 20/7/1993; Nghị quyết số 27/BCT ngày 16/6/2003; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 16/7/2011; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 26/01/2022 về xây dựng và phát triển CNQP đã xác định những quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, giải pháp phù hợp với từng giai đoạn phát triển đất nước; trong đó định hướng xây dựng và phát triển CNQP là nhiệm vụ cơ bản vừa có ý nghĩa cấp bách trước mắt, vừa là nhiệm vụ chiến lược lâu dài; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; là ngành đặc thù, phải được chăm lo xây dựng và phát triển theo một cơ chế đặc thù và được ưu tiên trong đầu tư phát triển, phải coi trọng phát triển nguồn nhân lực, nguồn lực khoa học công nghệ, huy động tối đa thành tựu của nền công nghiệp quốc gia phục vụ CNQP. Nghị quyết cũng đề ra sách lược ĐVCN và huy động công nghiệp dân sinh trong phát triển CNQP là huy động sự tham gia tích cực, đầy đủ của công nghiệp quốc gia trong các khâu, các bước của CNQP, nhất là việc huy động đội ngũ cán bộ KHCCN và các cơ sở công nghiệp dân sinh sản xuất các nguyên, vật liệu chính cho CNQP; chú trọng phát triển các ngành công nghiệp then chốt của quốc gia để tham gia sâu, thiết thực hơn vào hoạt động CNQP; thực hiện mở rộng phạm vi hoạt động của KHCCN dân sinh tham gia nghiên cứu phục vụ CNQP.

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược Quốc phòng Việt Nam tiếp tục khẳng định mục tiêu xây dựng, phát triển CNQP tự lực, tự cường, lưỡng dụng, ngày càng hiện đại, có trình độ KHCCN cao; huy động sử dụng có hiệu quả nguồn lực xã hội; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh. Có cơ chế đầu tư xây dựng trọng điểm một số cơ sở CNQP nòng cốt có nhiệm vụ nghiên cứu, sản xuất đảm bảo vũ khí, phương tiện, trang bị kỹ thuật

quân sự hiện đại, công nghệ cao. Đồng thời, đưa ra giải pháp hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển CNQP dài hạn, trung hạn phù hợp với điều kiện mới; phải đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động nguồn lực xã hội cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút sự tham gia, đóng góp của đội ngũ tri thức, nhà khoa học cho CNQP. Sắp xếp các cơ sở CNQP nòng cốt phù hợp với thể trận phòng thủ chiến lược, đáp ứng yêu cầu đảm bảo tại chỗ, tiến tới hình thành tập đoàn CNQP lưỡng dụng công nghệ cao.

- Bên cạnh đó, định hướng về xây dựng và phát triển CNAN còn được đề cập đến trong các văn bản chỉ đạo của Đảng, gồm:

Kết luận số 142-TB/TW ngày 08/8/2013 của Bộ Chính trị về Đề án “Chiến lược phát triển CNAN giai đoạn 2013-2020 và định hướng 2030” đã chỉ rõ phải gắn kết CNAN với công nghiệp quốc gia, CNQP bảo đảm thiết thực, hiệu quả; tránh trùng lặp, lãng phí.

Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia của Bộ Chính trị đã định hướng hợp tác với các nước có CNAN tiên tiến; liên doanh, liên kết sản xuất các trang thiết bị đặc chủng, chuyên dụng; phát triển CNAN có trọng tâm, trọng điểm; quy hoạch xây dựng, hoàn chỉnh các khu CNAN trên địa bàn cả nước và ban hành quy định phát triển CNAN.

Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 về Chiến lược An ninh mạng quốc gia của Bộ Chính trị cũng chỉ rõ yêu cầu xây dựng và phát triển CNAN mạng tự chủ, sáng tạo, hoàn thành phát triển CNAN mạng Việt Nam; Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 về Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới của Bộ Chính trị đã tiếp tục đề ra giải pháp về chú trọng đầu tư nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ hiện đại đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu; xây dựng, phát triển CNAN theo hướng lưỡng dụng, có chiều sâu, ngày càng hiện đại, tự chủ, có trình độ khoa học và công nghệ cao.

Trên tinh thần đó và qua quá trình tổng kết 12 năm thi hành Pháp lệnh CNQP (2008-2020), 15 năm thực hiện Pháp lệnh ĐVCN (2003-2018) và tổng kết kết quả xây dựng, phát triển CNAN từ Đại hội Đảng lần thứ XI đến nay, việc xây dựng Dự án Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (trên cơ sở kế thừa Pháp lệnh CNQP, Pháp lệnh ĐVCN và các văn bản quy phạm pháp luật về CNAN) trình Quốc hội xem xét thông qua là cần thiết, phù hợp với yêu cầu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới.

II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

Việc xây dựng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp hướng tới các mục tiêu sau đây:

- Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, khắc phục sự mâu thuẫn và nâng cao hiệu quả pháp lý

của hệ thống pháp luật về CNQP, CNAN và ĐVCN theo hướng đổi mới, đồng bộ, thiết thực, khả thi, cải cách thủ tục hành chính; tạo bước đột phá cho phát triển CNQP, AN và nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ ĐVCN.

- Tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động: Thu hút nguồn lực dân sinh cho phát triển CNQP, AN, mở rộng đối tượng ĐVCN; phát triển CNQP, AN kết hợp phục vụ kinh tế quốc dân; đổi mới, nâng cao sáng tạo hoạt động KHCN, phát triển nguồn nhân lực để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh sản phẩm quốc phòng, an ninh, nâng cao năng lực nghiên cứu làm chủ một số công nghệ mới và khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh của cách mạng công nghiệp lần thứ 4; đảm bảo nguồn lực cho phát triển CNQP, AN và ĐVCN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới.

- Xây dựng hệ thống cơ sở ĐVCN ngày càng lớn mạnh cả về quy mô, lẫn chiều sâu công nghệ, đóng góp thiết thực, hiệu quả vào phát triển tiềm lực CNQP. Xây dựng và phát triển CNQP, AN theo hướng tự chủ, tự cường, hiện đại, lưỡng dụng, thực sự trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia; đạt trình độ KHCN tiên tiến, hiện đại, đủ năng lực nghiên cứu, sản xuất vũ khí công nghệ cao, các loại VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nhu cầu trang bị cho LLVTND cả trước mắt và lâu dài, góp phần xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, phấn đấu đến năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

PHẦN II - ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

I. CHÍNH SÁCH 1: PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH THEO HƯỚNG LƯƠNG DỤNG, HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Xác định những vấn đề bất cập

CNQP, AN là một bộ phận quan trọng của công nghiệp quốc gia và tiềm lực quốc phòng, an ninh. Đảng và Nhà nước có chính sách xây dựng CNQP, AN theo hướng lưỡng dụng², trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia; phát huy nội lực kết hợp với mở rộng hợp tác quốc tế, vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo

² Đây là quan điểm nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta trong xây dựng CNQP (từ Đại hội X trở về trước) cũng như CNQP, an ninh (Đại hội XI đến nay). Để hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội, tại Đại hội lần thứ II (năm 1951), Đảng xác định: “Nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng ta ngày nay là phải đưa *kháng chiến đến thắng lợi*. Các nhiệm vụ khác đều phải phụ thuộc vào đó”, cho nên phải “tổng động viên tiên của, tài trí, sức người, phát triển mọi lực lượng, mọi khả năng đánh thắng quân xâm lược”; trong đó, phát triển công nghiệp “cần chú trọng phát triển các xí nghiệp nhà nước, nhất là về kỹ nghệ quốc phòng để thỏa mãn nhu cầu kháng chiến và gây cơ sở cho bộ phận kinh tế nhà nước”. “Chế nhiều vũ khí, dụng cụ, sản phẩm để đánh giặc và để cung cấp cho nhân dân”. Yêu cầu lưỡng dụng của CNQP được thể hiện rõ trong văn kiện ở các kỳ đại hội sau, như: *sử dụng một phần năng lực CNQP vào việc xây dựng kinh tế* (Đại hội VI), *huy động năng lực của xí nghiệp quốc phòng làm hàng dân dụng với hiệu quả thiết thực* (Đại hội VII), *khuyến khích các nhà máy CNQP sản xuất các sản phẩm dân dụng để tăng thêm năng lực phát triển* (Đại hội X), *Đẩy mạnh phát triển CNQP, an ninh theo hướng lưỡng dụng* (Đại hội XII). Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định: Xây dựng, phát triển CNQP, an ninh theo hướng lưỡng dụng, ngày càng hiện đại, có trình độ khoa học - công nghệ cao.

vệ Tổ quốc vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội. Việc phát huy tính lưỡng dụng, tăng cường và phát triển liên kết giữa CNQP, AN với công nghiệp dân sinh; huy động tối đa thành tựu của nền công nghiệp quốc gia phục vụ CNQP, AN cần được triển khai theo cả hai hướng: Hướng thứ nhất là phát huy hiệu quả đầu tư hạ tầng kỹ thuật - công nghệ của các cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN thông qua việc sản xuất kinh tế phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và duy trì năng lực trong thời bình; Hướng thứ hai là huy động công nghệ lưỡng dụng trong công nghiệp dân sinh phục vụ CNQP, AN.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện chủ trương nêu trên còn tồn tại một số vấn đề bất cập như:

** Đối với các cơ sở CNQP nông cốt:*

- Hiện nay, chưa có chính sách khuyến khích phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng. Trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển CNQP, nội dung lưỡng dụng chưa được quan tâm đúng mức. Các dự án đầu tư mới cơ bản chỉ đáp ứng được yêu cầu sản xuất vũ khí, trang bị phục vụ quốc phòng, chưa có đánh giá, dự báo sâu sắc các yếu tố về khả năng sản xuất hoặc chuyển đổi để sản xuất phục vụ nhu cầu dân sinh. Điều này gây ra những hạn chế trong việc tận dụng năng lực đã được đầu tư của cơ sở CNQP để phát triển sản phẩm kinh tế phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đây là một trong những nguyên nhân khiến các hoạt động CNQP vẫn khép kín trong Bộ Quốc phòng.

- Thực tế, đặt hàng quốc phòng còn hạn chế nên việc sản xuất theo các đơn đặt hàng của Bộ Quốc phòng chỉ khai thác khoảng trên 30% công suất thiết kế³. Do đó, phát sinh tình trạng dôi dư năng lực. Ngoài ra, do chưa có chính sách khuyến khích phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng nên khi nghiên cứu sản xuất hoặc nhập khẩu dây chuyền, hợp tác chuyển giao công nghệ chưa tính đến khả năng chuyển đổi sản xuất, chưa phát huy hiệu quả sản xuất lưỡng dụng. Một số dây chuyền có thể tận dụng để sản xuất sản phẩm phục vụ dân sinh, tuy nhiên nhiều sản phẩm chưa theo kịp nhu cầu thị trường, mẫu mã chưa phù hợp thị hiếu (sẽ phát huy hiệu quả hơn, nếu được đầu tư bổ sung thêm một số dây chuyền, công nghệ phù hợp để phát triển tính lưỡng dụng của dây chuyền đã đầu tư).

** Đối với các cơ sở CNAN:*

Các chính sách khuyến khích phát triển CNAN theo hướng lưỡng dụng chưa được cụ thể. Trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển CNAN, nội dung lưỡng dụng chưa được quan tâm đúng mức. Các dự án đầu tư mới cơ bản chỉ đáp ứng được yêu cầu sản xuất công cụ hỗ trợ, trang bị phục vụ an ninh; hầu hết các cơ sở có quy mô nhỏ, khó phát triển lưỡng dụng, chưa thích ứng cơ chế thị trường. Điều này gây ra những hạn chế trong việc tận dụng năng lực đã được đầu tư của cơ sở CNAN để phát triển sản phẩm kinh tế phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hiện nay trong điều kiện tình hình an ninh trật tự ổn

³ Công suất của các dây chuyền CNQP được đầu tư để phục vụ nhu cầu sản xuất cho thời chiến do đó trong thời bình các dây chuyền bị dôi dư công suất.

định, Bộ Công an đặt hàng, giao kế hoạch cho các cơ sở CNAN khoảng hơn 40% công suất thiết kế. Do đó, phát sinh tình trạng dôi dư năng lực.

** Đối với các cơ sở công nghiệp dân sinh:*

- Hoạt động CNQP, AN còn tương đối khép kín, phạm vi các lĩnh vực hoạt động của CNQP, CNAN mà công nghiệp dân sinh tham gia còn hạn chế⁴, mới chỉ tập trung vào lĩnh vực xây dựng cơ bản, cung cấp vật tư, thiết bị. Những lĩnh vực công nghệ cao, có tính lưỡng dụng như luyện kim, hóa chất, điện tử, công nghệ thông tin, vật liệu, thì chưa được mở rộng để thu hút tham gia vào chuỗi sản xuất CNQP, CNAN.

- Trong quy hoạch các ngành chưa chú trọng lồng ghép kết hợp bổ sung tiềm lực cho CNQP, AN; các dự án đầu tư của Nhà nước cho công nghiệp dân sinh, chưa xem xét, đánh giá nhu cầu của CNQP, AN khiến việc huy động công nghiệp dân sinh vào cung ứng các sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh chưa hiệu quả, đồng thời chưa thể đóng vai trò giúp CNQP, AN trở thành mũi nhọn tạo đột phá cho công nghiệp quốc gia như quan điểm của Đảng.

- Chưa có chính sách đủ mạnh để thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển CNQP, AN theo hướng lưỡng dụng. Xu thế hiện nay cho thấy các doanh nghiệp của khu vực dân sinh đầu tư cho KHCN là tương đối lớn⁵, đã mang lại nhiều kết quả tích cực, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ cao, lưỡng dụng⁶; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn của nền kinh tế quốc dân⁷, có công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiệm cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật thế giới. Các thành phần kinh tế nêu trên cũng chưa thu hút được vào hoạt động CNQP, AN, nhất là vấn đề liên doanh, liên kết CNQP, AN với doanh nghiệp trong nước, nước ngoài còn hạn chế, tính pháp lý chưa rõ, khó thực hiện.

- Điều kiện, thủ tục tham gia hoạt động CNQP theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Đầu tư⁸, trong khi CNAN chưa có quy định về nội dung này; các lĩnh vực hoạt động CNQP, AN cần huy động nguồn lực từ công nghiệp dân sinh chưa được phổ biến, mở rộng để thu hút nguồn lực.

2. Mục tiêu của chính sách

- Xây dựng các quy định, hành lang pháp lý để định hướng phát triển

⁴ Từ 2012 đến nay, chỉ có 33 doanh nghiệp, tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia hoạt động CNQP theo phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu.

⁵ Cơ cấu đầu tư cho KHCN giữa tư nhân và xã hội trước đây là nhà nước 70%, xã hội 30% thì từ 2019 là 52/48. Con số thống kê của ngành thuế cũng cho thấy, trong giai đoạn từ 2011 đến 2018, các doanh nghiệp, tập đoàn trích lập quỹ cho KHCN lên tới 19.000 tỉ đồng.

⁶ Vingroup đã thành lập Công ty Phát triển Công nghệ Vintech, Viện nghiên cứu công nghệ cao; Công ty nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo... để đầu tư nghiên cứu và khai thác sử dụng trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, an ninh mạng.

⁷ Tính lũy kế đến ngày 20/12/2020, cả nước có 33.070 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 384 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án FDI ước đạt 231,86 tỷ USD, bằng 60,4% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.

⁸ Theo quy định của Luật Đầu tư, điều kiện đầu tư kinh doanh chỉ được quy định từ cấp nghị định trở lên hoặc trong điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

CNQP, AN có hàm lượng công nghệ lưỡng dụng cao, huy động sự tham gia của công nghiệp dân sinh trong hoạt động CNQP, AN.

- Xây dựng cơ chế phát huy tối đa hiệu quả vốn đầu tư và năng lực của các dây chuyền quốc phòng, an ninh trong phục vụ nhu cầu dân sinh, đẩy mạnh xuất khẩu vũ khí; cơ chế ưu đãi, khuyến khích các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN sản xuất sản phẩm kinh tế.

- Tạo cơ sở pháp lý để huy động tối đa năng lực sản xuất, công nghệ của các thành phần kinh tế công nghiệp dân sinh trong nước, cũng như hợp tác quốc tế cho phát triển CNQP, AN lưỡng dụng, trong đó hoàn thiện quy định về phương thức liên doanh, liên kết giữa CNQP, AN với doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1: Không có thay đổi, giữ nguyên như hiện trạng và như trong các quy định liên quan tại Pháp lệnh CNQP năm 2008, Nghị định số 63/2020/NĐ-CP quy định về CNAN.

3.2. Giải pháp 2:

- Quy định khái quát tại Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp: Các khái niệm về lưỡng dụng, công nghệ lưỡng dụng,...; quy định các nguyên tắc về việc phải đánh giá các tiêu chí lưỡng dụng trong xây dựng, thẩm định và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư xây dựng và phát triển CNQP, AN.

- Xây dựng chính sách ưu đãi về vốn để doanh nghiệp CNQP, AN đầu tư cho chuyển đổi sản xuất hàng kinh tế trên cơ sở dây chuyền công nghệ hiện có. Ưu đãi về thuế, phí,... đối với các mặt hàng kinh tế được sản xuất trên các dây chuyền quốc phòng, an ninh. Phân công chuyên môn hóa các cơ sở CNQP một số lĩnh vực công nghệ đặc thù lưỡng dụng phục vụ dân sinh: Hóa nổ, đóng tàu, quang điện tử, vũ trụ, vệ tinh, không gian mạng, trí tuệ nhân tạo, vật liệu mới...

- Luật giao Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề xuất lĩnh vực, ngành nghề lưỡng dụng⁹, Chính phủ phê duyệt để làm tiêu chí ưu tiên, định hướng chung cho các dự án đầu tư; quy định các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp vay vốn để đầu tư sản xuất, nghiên cứu phát triển sản phẩm, công nghệ lưỡng dụng; quy định các điều kiện nội địa hóa sản xuất, chuyên giao công nghệ lưỡng dụng đối với các hợp đồng nhập khẩu sản phẩm quốc phòng, an ninh¹⁰; chính sách đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiếp nhận chuyển giao công nghệ lưỡng dụng được sử dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

⁹ Hiện nay công nghệ lưỡng dụng hiện đại tập trung vào một số lĩnh vực sau:

- CNQP: Vũ trụ và vệ tinh; tác chiến không gian mạng; Công nghệ lượng tử (chế tạo siêu máy tính); trí tuệ nhân tạo; các thiết bị tự hành (thiết bị bay, lặn không người lái, xe chiến đấu; công nghiệp rô bốt (kết hợp trí tuệ nhân tạo và thiết bị tự hành để sản xuất robot chiến đấu thay con người); công nghệ vật liệu mới, cơ khí chính xác, hoá chất...

- CNAN: Công nghệ lượng tử; thiết bị tự hành; an ninh mạng; trí tuệ nhân tạo; phòng cháy, chữa cháy...

¹⁰ Quy định việc các hợp đồng nhập khẩu sản phẩm quốc phòng từ nước ngoài có giá trị lớn hơn 100 triệu USD; sản phẩm an ninh từ nước ngoài có giá trị lớn hơn 50 triệu USD phải xem xét điều kiện chuyên giao công nghệ trên cơ sở đánh giá tính lưỡng dụng của công nghệ đó.

3.3. Giải pháp 3: Bao gồm các nội dung của giải pháp 2 và bổ sung thêm quy định nguyên tắc sau:

- Đối với các dự án đầu tư của Nhà nước cho công nghiệp dân sinh, có đánh giá hiệu quả đáp ứng cho CNQP, AN¹¹.

- Quy định trong Luật cho phép các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế của công nghiệp dân sinh tham gia hoạt động CNQP, AN, quy định phạm vi, lĩnh vực hoạt động CNQP, AN mà công nghiệp dân sinh tham gia¹²; chính sách thu hút của Nhà nước đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (cả trong nước và ngoài nước) tham gia hoạt động CNQP, AN¹³, quy định điều kiện tham gia các hoạt động CNQP, AN.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1:

a) Tác động về kinh tế:

* *Tích cực:* Không phát sinh các chi phí mới để thực hiện giải pháp.

* *Tiêu cực:*

- Không phát huy được tính lưỡng dụng trong các dự án đầu tư khiến cho hiệu quả đầu tư thấp; không giải quyết được vấn đề dư công suất của các dây chuyền quốc phòng, an ninh.

- Gây lãng phí NSNN khi phải đầu tư cho CNQP, AN một số dây chuyền sản xuất riêng, trong khi có thể thu hút, huy động được từ công nghiệp dân sinh.

- Không mở rộng được phạm vi tham gia của các công nghiệp dân sinh vào các hoạt động CNQP, AN; đóng góp vào tạo việc làm cho công nghiệp dân sinh còn hạn chế so với nhu cầu.

b) Tác động về xã hội:

* *Tích cực:* Đã đáp ứng được nhu cầu củng cố quốc phòng, an ninh quốc gia.

* *Tiêu cực:*

- Chưa phát huy được vai trò đầu tàu, mũi nhọn của CNQP, AN trong nền công nghiệp quốc gia, chưa xây dựng được hình ảnh CNQP, AN lớn mạnh, đủ năng lực chủ động sản xuất các loại VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ hiện đại cho Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.

- Chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong khu vực công nghiệp dân sinh tham gia xây dựng và phát triển CNQP, AN, củng cố sức mạnh quốc phòng, an ninh góp phần bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ ninh quốc gia

¹¹ Các dự án đầu tư từ NSNN cho ngành sản xuất nguyên liệu, bán thành phẩm: như luyện kim, hóa chất, điện, điện tử, viễn thông,... cần có đánh giá thêm yếu tố lưỡng dụng, khả năng đáp ứng nhu cầu cho CNQP, AN.

¹² Hóa chất, luyện kim, cơ khí chế tạo máy, điện tử, tin học, viễn thông, vật liệu,...

¹³ Đối với doanh nghiệp: Ưu đãi về thuế; giảm hoặc miễn trách nhiệm tài sản; hỗ trợ ngân sách để đầu tư hoàn thiện công nghệ lưỡng dụng. Đối với người lao động: Phụ cấp ưu đãi, miễn lao động công ích; trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bị thương,...

và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*: Không phát sinh các thủ tục hành chính mới.

d) *Tác động về giới*: Không làm phát sinh các vấn đề về giới.

đ) *Tác động về hệ thống pháp luật*:

* *Tích cực*: Hệ thống pháp luật không phát sinh sửa đổi hoặc phải xây dựng luật mới thay thế.

* *Tiêu cực*:

- Không khắc phục được các bất cập do hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan chưa phù hợp với các diễn biến, tình hình thay đổi.

- Chưa có quy phạm pháp luật điều chỉnh đối với những lĩnh vực mới, những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

4.2. Giải pháp 2:

a) *Tác động về kinh tế*:

* *Tích cực*:

- Phát huy được hiệu quả đầu tư cho các cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN do có đánh giá về tính lưỡng dụng, có xem xét các yếu tố về thị trường, có định hướng các ngành nghề, lĩnh vực lưỡng dụng.

- Các chính sách khuyến khích sản xuất hàng kinh tế trên các dây chuyền quốc phòng, an ninh giúp khai thác được công suất, nhân lực dôi dư của dây chuyền, nâng cao doanh thu cho các doanh nghiệp CNQP và cơ sở CNAN¹⁴. Giảm tải cho NSNN những chi phí để duy trì năng lực cho một số dây chuyền quốc phòng, an ninh.

- Chính sách đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiếp nhận chuyển giao công nghệ lưỡng dụng được sử dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh sẽ khuyến khích, thu hút sự đầu tư, tạo sức hút tham gia hoạt động CNQP, AN của công nghiệp dân sinh. Qua đó, cho phép tận dụng năng lực công nghệ dân sinh, giảm đầu tư của NSNN trong thực hiện chính sách tự lực, tự cường.

* *Tiêu cực*:

- Chưa tạo được sự bình đẳng, cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế để tham gia hoạt động CNQP, AN lưỡng dụng, chưa tạo được thêm việc làm, tăng thu nhập cho doanh nghiệp và người lao động thuộc khu vực công nghiệp dân sinh.

- Gây lãng phí NSNN khi phải đầu tư cho CNQP, AN một số dây chuyền

¹⁴ Vay vốn với lãi suất thấp dưới 5%/năm cho các khoản đầu tư chuyển đổi để kết hợp sản xuất hàng kinh tế có thể giúp tận dụng thêm 10 – 15% công suất dây chuyền dôi dư. Giá trị sản xuất hàng kinh tế của các cơ sở CNQP thuộc Tổng cục CNQP năm 2020 khoảng 13.200 tỷ đồng, nếu được ưu đãi về thuế (giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất, thuế bảo vệ môi trường, thuế xuất, nhập khẩu,...), dự báo giá trị này sẽ có thể tăng thêm từ 20 – 30%. Giá trị sản xuất hàng kinh tế của các cơ sở công nghiệp an ninh trong 05 năm từ 2017-2021 hơn 8.300 tỷ đồng và dự báo sẽ tăng thêm 10-15% giá trị khi áp dụng chính sách.

sản xuất riêng, trong khi có thể thu hút, huy động được từ công nghiệp dân sinh.

- Giảm nguồn thu của NSNN khi thực hiện chính sách khuyến khích (như: ưu đãi về thuế; ưu đãi tiền thuê đất, tiền sử dụng đất...) đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiếp nhận chuyển giao công nghệ lưỡng dụng được sử dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

b) Tác động về xã hội:

* *Tích cực:* Việc các dây chuyền CNQP tham gia sản xuất hàng kinh tế trong thời bình không chỉ giúp tận dụng hiệu quả vốn đầu tư mà còn giúp duy trì được năng lực sản xuất của dây chuyền quốc phòng trong thời bình, sẵn sàng sản xuất cho các tình huống thời chiến. Người dân và các doanh nghiệp được sống làm việc trong môi trường ổn định về xã hội, chính trị, an tâm lao động sản xuất, tạo sự tin tưởng trong toàn dân.

Các cơ sở CNAN tham gia sản xuất hàng kinh tế trong điều kiện tình hình an ninh trật tự bình thường, ổn định không chỉ giúp tận dụng hiệu quả vốn đầu tư mà còn giúp duy trì được năng lực sản xuất, góp phần đảm bảo cho các tình huống đột xuất, cấp bách, tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

* *Tiêu cực:* Chưa huy động được nguồn lực công nghiệp dân sinh trong xây dựng và phát triển CNQP, AN trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh các thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới: Không làm phát sinh các vấn đề về giới.

đ) Tác động về hệ thống pháp luật:

* *Tích cực:* Khắc phục được những hạn chế, bất cập của Pháp lệnh CNQP, cập nhật được các văn bản luật liên quan, luật hóa các quy phạm dưới luật hiện hành để phù hợp với tình hình hiện nay.

* *Tiêu cực:* Xây dựng các chính sách mới đòi hỏi phải xây dựng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp và các văn bản dưới luật để quy định chi tiết.

4.3. Giải pháp 3:

a) Tác động về kinh tế:

* *Tích cực:* Như tại giải pháp 2.

- Việc cho phép các thành phần kinh tế của công nghiệp dân sinh tham gia hoạt động CNQP, AN và quy định đánh giá nhu cầu phục vụ CNQP, AN đối với các dự án đầu tư của Nhà nước cho lĩnh vực công nghiệp dân sinh sẽ góp phần giảm ngân sách đầu tư cho CNQP, AN khi có thể tận dụng, huy động năng lực từ công nghiệp dân sinh.

- Mở rộng phạm vi tham gia hoạt động CNQP, AN của các thành phần

công nghiệp dân sinh, qua đó bổ sung nguồn lực cho phát triển CNQP, AN, đồng thời tăng thu nhập cho người lao động.

b) Tác động về xã hội:

* *Tích cực:* Tương tự như giải pháp 2 và có thêm mặt tích cực: Gắn được trách nhiệm của các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức của công nghiệp dân sinh đối với nghĩa vụ xây dựng và củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội và nâng cao ý thức tự hào dân tộc trong toàn xã hội.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

* *Tích cực:* Thủ tục hành chính rõ ràng, minh bạch, thuận tiện, tạo sức hút tối đa cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động CNQP, AN.

* *Tiêu cực:* Phát sinh thủ tục hành chính giữa Nhà nước và doanh nghiệp về điều kiện và thủ tục tham gia hoạt động CNQP, AN, vì là ngành sản xuất có tính chất đặc thù, việc tham gia hoạt động CNQP, AN phải có điều kiện và trải qua quy trình, thủ tục cấp phép.

d) Tác động về giới: Không làm phát sinh các vấn đề về giới.

đ) Tác động về hệ thống pháp luật: Tương tự như giải pháp 2.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua phân tích, so sánh những mặt tích cực và hạn chế của 03 giải pháp. Trong đó, giải pháp 02 đã giải quyết được những bất cập của các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN và phát triển CNQP, AN theo hướng lưỡng dụng. Tuy nhiên, để bảo đảm theo hướng ngược lại với sự tham gia của các thành phần kinh tế công nghiệp dân sinh vào các hoạt động CNQP, AN thì cần phải thực hiện bổ sung một số nội dung tại Giải pháp 3. Do đó, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thống nhất **lựa chọn Giải pháp 3** để bảo đảm phát huy được tối đa tính lưỡng dụng trong CNQP, AN và công nghiệp dân sinh. Thẩm quyền ban hành chính sách là Quốc hội.

II. CHÍNH SÁCH 2: HOÀN THIỆN, SẮP XẾP, ĐỔI MỚI HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, CÔNG NGHIỆP AN NINH

1. Xác định những vấn đề bất cập

Trong những năm qua, hệ thống tổ chức CNQP, CNAN Việt Nam đã có bước phát triển. Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển CNQP, AN trong tình hình mới theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước vẫn còn nhiều bất cập, tồn tại, cụ thể:

* *Đối với CNQP :*

- Do điều kiện lịch sử nên các cơ sở CNQP hình thành chủ yếu trong thời kỳ chiến tranh và bố trí không đều giữa các miền. CNQP hiện có 79 cơ sở CNQP nòng cốt và 37 cơ sở ĐVCN trực tiếp tham gia sản xuất, sửa chữa VKTBKT, được bố trí trên ba miền Bắc, Trung, Nam (theo Quyết định 2057/QĐ-TTg ngày 16/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ). Trong số này, các

lĩnh vực chủ yếu của CNQP tập trung tại miền Bắc và ngày càng phát triển, trong khi đó tại miền Nam đa phần là các cơ sở sửa chữa tổng hợp VKTBKT; đặc biệt tại miền Trung, các cơ sở CNQP còn rất mỏng, hiện mới chỉ có 01 cơ sở CNQP nòng cốt, 01 cơ sở sửa chữa VKTBKT và một số cơ sở ĐVCN, chưa có nhà máy sản xuất VKTBKT, kể cả các loại vũ khí thông dụng trang bị cho trung đoàn bộ binh. Điều này hạn chế khả năng phát huy năng lực của các cơ sở CNQP vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là tại miền Trung và miền Nam, cũng như huy động tiềm lực công nghiệp dân sinh khu vực phía Nam như các khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, Đồng Nai vào hoạt động CNQP.

- Hệ thống cơ sở CNQP nòng cốt bố trí phân tán, quy mô nhỏ tại nhiều đơn vị của Quân đội nên tính quy tụ về đặc điểm công nghệ, sản phẩm chưa cao, khả năng đáp ứng yêu cầu đảm bảo tại chỗ khi tình huống xảy ra còn hạn chế. Điều này làm nảy sinh nhiều bất cập trong phối hợp giữa các đầu mối triển khai chu trình SXQP; nguồn lực đầu tư bị phân tán, không tập trung, trong khi đó nguồn vốn đầu tư từ NSNN hạn hẹp, gây khó khăn trong quá trình đầu tư phát triển, nhất là những sản phẩm vũ khí công nghệ cao lại đòi hỏi nguồn vốn lớn. Nếu không có giải pháp kịp thời sẽ dẫn đến nguy cơ tụt hậu ngày càng xa về công nghệ, năng suất và doanh nghiệp CNQP khó thích ứng với nền kinh tế thị trường của đất nước.

- Mô hình hoạt động của các cơ sở CNQP chưa có sự thống nhất. Hiện nay, các doanh nghiệp CNQP vừa là đối tượng quản lý của các quy định về hành chính quân sự, vừa chịu sự điều tiết của Luật Doanh nghiệp. Hầu hết doanh nghiệp CNQP đã chuyển sang hoạt động theo mô hình các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Tuy nhiên, các cơ sở CNQP nòng cốt đang thực hiện hạch toán kinh tế ở các mức độ khác nhau. Hầu hết các đơn vị thuộc Tổng cục CNQP, Tổng cục Hậu cần và một số cơ sở của Tổng cục Kỹ thuật và các quân binh chủng thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, đầy đủ; các cơ sở còn lại thực hiện hạch toán nội bộ, dự toán hoặc chịu sự quản lý về hành chính quân sự.

- Các cơ sở nghiên cứu của CNQP chủ yếu vẫn là đơn vị sự nghiệp KHCCN, chưa có cơ chế tạo nguồn lực để thúc đẩy chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp KHCCN theo định hướng chung của Đảng và Nhà nước. Điều này làm hạn chế sự đổi mới, sáng tạo trong hoạt động KHCCN, chưa tạo động lực để chú trọng đến tính lưỡng dụng của sản phẩm nghiên cứu (như kiểu dáng công nghiệp, mẫu mã, tính năng...), chưa phát huy được vai trò là động lực then chốt để nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh.

- Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống cơ sở CNQP nòng cốt chưa có sự đổi mới căn bản, toàn diện và chưa đồng bộ. Chức năng quản lý nhà nước về CNQP hiện đang phân tán trong nhiều cơ quan Bộ Quốc phòng, chưa đảm bảo tập trung, thống nhất dẫn đến ảnh hưởng tính hiệu lực hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện. Cụ thể: Hệ thống quản lý CNQP trong Bộ Quốc phòng gồm 3 cấp: cấp

Bộ Quốc phòng, cấp trên trực tiếp của nhà máy (gồm 10 đầu mối: các Tổng cục, Quân khu, Quân binh chủng) và cấp cơ sở. Tuy nhiên, ở một số đầu mối trực thuộc Bộ còn phát sinh thêm cấp trung gian thứ 4 là các cục chuyên ngành (thí dụ: Cục Kỹ thuật tại các Quân Binh chủng, Cục Quân khí, Cục Xe máy thuộc TCKT...). Chức năng, nhiệm vụ của các khối: đặt hàng, sản xuất - sửa chữa, khai thác sử dụng còn chưa được phân định rõ, điều này gây ra những lúng túng, chông chéo trong điều hành và triển khai thực hiện, làm giảm tính hiệu quả trong khâu kiểm soát chất lượng sản phẩm.

** Đối với CNAN*

- Các cơ sở CNAN được hình thành gắn liền với quá trình công tác, chiến đấu và xây dựng lực lượng Công an nhân dân qua các thời kỳ lịch sử (tiên thân là các công an xưởng trực thuộc Công an các đơn vị, địa phương từ năm 1946).

- Các cơ sở CNAN bao gồm hệ thống 09 doanh nghiệp, 58 cơ sở nghiên cứu, cơ sở sản xuất thuộc Bộ Công an được tổ chức hoạt động ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam với 02 khu CNAN tập trung (Khu CNAN Hoài Đức, Hà Nội; Khu CNAN T30, Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh). Hiện nay, Bộ Công an đang phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng khu CNAN mới tại Thạch Thất, Hà Nội để triển khai thực hiện các dự án theo Quyết định số 14/QĐ-TTg ngày 26/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển CNAN giai đoạn 2021 – 2025. Tuy nhiên, các cơ sở CNAN còn bố trí phân tán, chưa hình thành hệ thống độc lập nên tính quy tụ về đặc điểm công nghệ, sản phẩm chưa cao. Điều này làm nảy sinh nhiều bất cập trong phối hợp giữa các đầu mối triển khai; nguồn lực đầu tư bị phân tán, không tập trung, trong khi đó nguồn vốn từ NSNN còn hạn hẹp, gây khó khăn trong quá trình đầu tư phát triển, nhất là các sản phẩm công nghệ cao đòi hỏi nguồn vốn lớn. Nếu không có giải pháp kịp thời sẽ dẫn đến nguy cơ tụt hậu ngày càng xa về công nghệ, năng suất và các cơ sở CNAN khó thích ứng với nền kinh tế hội nhập của đất nước. Đặc biệt là các nhiệm vụ liên quan tới hạ tầng mạng, bảo đảm an ninh mạng, đấu tranh phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao...

- Hiện nay các doanh nghiệp an ninh vừa là đối tượng quản lý của các quy định nội bộ chuyên ngành thuộc Bộ Công an, vừa chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Các đơn vị nghiên cứu phục vụ phát triển CNAN chưa có cơ chế tạo nguồn lực để thúc đẩy chuyển đổi, chuyển giao công nghệ sản xuất để hình thành doanh nghiệp KHCN. Điều này làm hạn chế sự đổi mới, sáng tạo trong hoạt động KHCN, chưa tạo động lực để chú trọng đến tính lưỡng dụng của các sản phẩm, chưa phát huy được vai trò là động lực then chốt để nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh...

- Triển khai Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị và Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an; Bộ Công an đã kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả; trong đó Cục CNAN là đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện chức năng quản lý nhà

nước về CNAN. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù công tác nghiệp vụ của Công an nhân dân nên việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu, sản xuất sản phẩm CNAN còn bố trí tại một số công an đơn vị, địa phương như: Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Viện Khoa học và Công nghệ, Cục Kỹ thuật nghiệp vụ, Viện Kỹ thuật hình sự, các cục nghiệp vụ Tỉnh báo, Công an Hà Nội, Công an thành phố Hồ Chí Minh...

Các hạn chế được chỉ ra ở trên diễn ra trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra rất nhanh, đặt ra nhiều thách thức mới như: Tụt hậu về công nghệ, lao động chi phí thấp mất dần lợi thế, vòng đời của các vũ khí, khí tài sẽ bị rút ngắn để nhanh chóng áp dụng các sản phẩm với công nghệ tiên tiến... Đây là thách thức đối với sự phát triển của CNQP, AN Việt Nam trong bối cảnh xu hướng toàn cầu hóa và đất nước ngày càng tham gia hội nhập sâu, rộng trong quan hệ quốc tế.

Với những khó khăn, bất cập nêu trên, đặt ra yêu cầu trong thời gian tới phải tiếp tục tiến hành hoàn thiện, sắp xếp, đổi mới hệ thống tổ chức CNQP, CNAN theo hướng tập trung, thống nhất nhằm đáp ứng chiến lược, sách lược phát triển CNQP, AN phù hợp với quy hoạch công nghiệp quốc gia.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo cơ sở pháp lý để kiện toàn đồng bộ cơ cấu ngành CNQP từ cơ quan quản lý nhà nước đến các cơ sở CNQP nòng cốt với lộ trình, bước đi phù hợp, đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, tập trung, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý và triển khai hoạt động CNQP, thực hiện nhiệm vụ ĐVCN.

- Nâng cao năng lực của các cơ sở CNQP nòng cốt để thích ứng với kinh tế thị trường; đảm bảo nguồn lực đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm; đảm bảo tính đồng bộ, gắn kết các khâu trong chu trình sản xuất VKTBKT.

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức về CNAN đáp ứng các yêu cầu mục tiêu chiến lược phát triển CNAN phù hợp với quy hoạch công nghiệp quốc gia.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định pháp luật hiện hành (Pháp lệnh CNQP, Pháp lệnh ĐVCN, Nghị định số 63/2020/NĐ-CP). Không thực hiện sắp xếp hệ thống cơ sở CNQP, CNAN.

3.2. Giải pháp 2:

- Kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý CNQP trong Bộ Quốc phòng; rà soát, kiện toàn tổ chức về CNAN trong Bộ Công an đảm bảo thực hiện tốt, phát huy đúng chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan.

- Tổ chức cơ cấu, sắp xếp lại các cơ sở CNQP theo hướng quy tụ bám sát nhiệm vụ SXQP theo chuyên ngành sản phẩm và thế bố trí chiến lược, bảo đảm tinh, gọn, hiệu quả. Tiến hành chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp KH-CN của CNQP, CNAN thành doanh nghiệp KH-CN. Mở rộng mạng lưới ĐVCN.

3.3. Giải pháp 3:

- Kiện toàn tổ chức cơ quan chuyên trách quản lý Nhà nước về CNQP, ĐVCN đặt trong tổ chức của Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về CNQP, ĐVCN. Theo đó, tập trung, quy tụ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về CNQP cho cơ quan chuyên trách chủ trì thực hiện, khắc phục triệt để các khâu trung gian, chồng chéo về chức năng nhiệm vụ giữa các cơ quan.

- Thực hiện tổ chức sắp xếp các cơ sở CNQP nòng cốt đảm bảo theo các tiêu chí và lộ trình phù hợp, theo các bước:

+ Tổ chức sắp xếp lại các cơ sở CNQP theo hướng quy tụ, bảo đảm tinh, gọn, hiệu quả, giảm số lượng đầu mối, tăng quy mô, bám sát nhiệm vụ SXQP và phù hợp thể phòng thủ chiến lược, đáp ứng yêu cầu đảm bảo tại chỗ; thực hiện cơ chế tự chủ cho các cơ sở nghiên cứu để tiến hành chuyển đổi thành doanh nghiệp KH-CN. Mở rộng mạng lưới ĐVCN;

+ Phát triển, hình thành các tập đoàn CNQP theo hướng hiện đại, lưỡng dụng, có trình độ KH-CN cao, đáp ứng nhu cầu VKTBKT cho LLVTND, đủ năng lực thích ứng với kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

- Rà soát, kiện toàn tổ chức về CNAN, trong đó có cơ quan chuyên trách quản lý nhà nước về CNAN trong Bộ Công an, đảm bảo tinh, gọn, mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tiến hành rà soát, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập của CNAN thành doanh nghiệp.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1:

a) Tác động về kinh tế:

* *Lợi ích:* Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

* *Chi phí:* Những năm qua CNQP, CNAN Việt Nam đã thực hiện chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường, đã bước đầu hội nhập vào cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế. Song do CNQP, CNAN có khác biệt so với các ngành kinh tế quốc dân, cùng với sự phát triển nhanh của xu hướng toàn cầu hóa, nếu hệ thống tổ chức CNQP không có sự đổi mới, tổ chức CNAN không rà soát, sắp xếp sẽ khó theo kịp và ngày càng tụt hậu về công nghệ, trình độ quản trị doanh nghiệp, khó nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng sản phẩm quốc phòng, an ninh. Từ đó tạo gánh nặng cho NSNN trong việc duy trì năng lực CNQP, CNAN để đảm bảo chính sách tự lực, tự cường về VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

- Nguồn lực đầu tư của Nhà nước bị chia nhỏ, phân tán tại nhiều đầu mối có chung lĩnh vực, dẫn đến trùng lặp, giảm hiệu quả đầu tư.

b) Tác động về xã hội:

* *Đối với Nhà nước:*

- Hệ thống quản lý chưa tương xứng với vị thế mới của CNQP, CNAN trong đóng góp vào sự lớn mạnh của quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và

nền kinh tế trong thời đại cuộc cách mạng KHCHN, đặc biệt là Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- CNQP, CNAN được xác định là ngành mũi nhọn quan trọng của công nghiệp quốc gia, là lĩnh vực then chốt Nhà nước cần phải nắm giữ. Tuy nhiên, chưa tạo được đột phá để dẫn hướng cho công nghiệp quốc gia.

** Đối với doanh nghiệp, tổ chức, người dân:*

- Địa điểm đóng quân của các cơ sở CNQP thường ở vùng sâu, vùng xa, có địa bàn chiến lược nên ngoài đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, doanh nghiệp CNQP có đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương. Sự hiệu quả trong hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng sẽ ảnh hưởng lớn đến chức năng này.

- Địa điểm của các cụm, khu CNAN được bố trí ở vùng trọng điểm, đóng góp một phần cho kinh tế và tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương. Do đó, có mối quan hệ hai chiều đối với tác động này.

- Chưa quy định về trách nhiệm của Chủ doanh nghiệp và người lao động trong dây chuyền ĐVCN khi chuẩn bị và thực hành ĐVCN. Thực tế, nhiều Chủ doanh nghiệp né tránh không thực hiện nhiệm vụ, không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, trung thực thông tin của doanh nghiệp, chưa kịp thời thực hiện nhiệm vụ ĐVCN được giao theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tác động về giới: Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động hệ thống pháp luật:

** Tích cực:* Không phải xây dựng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp, không làm phát sinh văn bản quy phạm pháp luật mới.

** Tiêu cực:*

- Chưa luật hóa được quan điểm, định hướng chủ trương mới của Đảng về xây dựng và phát triển CNQP, AN và trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương. Chưa đồng bộ với Luật Quốc phòng, Luật Công an nhân dân về vị thế của CNQP, AN trong xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân.

- Tồn tại những quy định chồng chéo, mâu thuẫn nêu tại vấn đề bất cập. Điều này có thể dẫn đến sự không đồng bộ của hệ thống pháp luật trong quá trình thực thi.

4.2. Giải pháp 2:

a) Tác động về kinh tế:

** Lợi ích:*

- Việc kiện toàn lại tổ chức quản lý nhà nước về CNQP, CNAN trong Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo đúng chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan giúp

nâng cao hiệu quả hoạt động. Qua đó, cùng với sự sắp xếp các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN theo hướng tinh gọn sẽ tối ưu hóa nguồn lực đầu tư cho CNQP, AN.

- Khi sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý theo hướng tinh gọn, tích tụ, tập trung, chuyên môn hóa, hoạt động với tư cách pháp nhân kép thì hiệu quả sử dụng nguồn lực dành cho CNQP, AN sẽ tăng cao, giảm chi phí doanh nghiệp, tăng năng lực cạnh tranh, năng suất lao động... dẫn đến đóng góp của các doanh nghiệp CNQP, AN cho xây dựng LLVTND và nền kinh tế quốc dân ngày càng tăng. Dự kiến sẽ tiến hành cơ cấu, sát nhập các doanh nghiệp CNQP, theo lộ trình đến năm 2025 giảm 32% đầu mỗi, riêng đối với doanh nghiệp CNQP do Tổng cục CNQP quản lý sẽ giảm 41% đầu mỗi. Sau sắp xếp số lượng lao động của các doanh nghiệp sẽ giảm từ 7-12% (do cắt giảm lực lượng gián tiếp, các khâu trung gian, đổi mới công nghệ), thu nhập bình quân của người lao động tăng từ 5-9%. Các chỉ số phát triển của doanh nghiệp đạt và vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 -2025 mà Đảng đề ra (tại văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII). Đối với các doanh nghiệp CNAN dự kiến sẽ tiến hành sắp xếp theo lộ trình đến năm 2025 giảm 10% đến 20% đầu mỗi, sau khi sắp xếp, số lượng lao động của các doanh nghiệp sẽ giảm 5% đến 9%, thu nhập bình quân của người lao động tăng hàng năm từ 4% đến 11%.

- Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp KHCCN của CNQP, CNAN thành doanh nghiệp KHCCN sẽ giảm đầu tư từ nguồn NSNN. Làm cho các hoạt động KHCCN mang tính thực tiễn hơn, có tính ứng dụng cao. Để triển khai việc hiệu quả, khả thi việc chuyển đổi cần đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ và trích lại một phần lợi nhuận từ sản xuất sản phẩm có ứng dụng kết quả KHCCN. Cơ chế này được đánh giá kỹ tại Chính sách 3.

- Mở rộng mạng lưới ĐVCN sẽ góp phần tăng cường tiềm lực CNQP trong thời bình, huy động hiệu quả công nghiệp dân sinh vào phát triển CNQP. Để tạo cơ sở pháp lý mở rộng mạng lưới ĐVCN cần thực hiện mở rộng đối tượng và lĩnh vực ĐVCN. Vấn đề này được đánh giá kỹ tại Chính sách 5.

* *Chi phí:* Việc sắp xếp lại về cơ cấu tổ chức, quản lý sẽ dẫn đến yêu cầu chi ngân sách trong giai đoạn đầu khi thi hành Luật cho việc xử lý lao động dôi dư hoặc tuyển dụng lao động tăng thêm đối với một số vị trí việc làm, lĩnh vực chuyên môn, kỹ năng cần thiết. Theo tính toán, sau khi sắp xếp lại về tổ chức quản lý, trong 3-5 năm, chi ngân sách giải quyết lao động dôi dư đối với CNQP sẽ cần khoảng 200 tỷ đồng, đối với CNAN chi ngân sách giải quyết lao động dôi dư và tuyển dụng lao động tăng thêm sẽ cần chi phí khoảng 150 tỷ đồng.

b) Tác động về xã hội:

* *Đối với Nhà nước:* Sự phân định rõ ràng trong chức năng quản lý nhà nước làm tăng hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành. Đảm bảo gắn kết các khâu trong quá trình sản xuất sản phẩm VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm.

* *Đối với doanh nghiệp, tổ chức, người dân:* Việc sắp xếp lại các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN sẽ ảnh hưởng việc làm và thu nhập của người lao động.

c) *Tác động về giới:* Các thay đổi về lao động (dôi dư, tuyển dụng thêm) có tác động về giới. Các con số cụ thể về sự tác động theo giới tính này sẽ được xác định cụ thể trong các bước tiếp theo. Để giảm thiểu các tác động tiêu cực về giới (đặc biệt là nữ) thì các biện pháp cụ thể để thực thi chính sách này phải hạn chế các tác động tiêu cực tới nữ giới, đặc biệt trong việc giải quyết chính sách lao động dôi dư và thu hút nhân lực có chất lượng làm việc trong lĩnh vực CNQP, AN.

d) *Tác động về thủ tục hành chính:*

* *Tích cực:* Giảm các thủ tục hành chính do giảm các cấp trung gian và tăng tính chủ động phối hợp của các cơ quan.

* *Tiêu cực:* Khi tiến hành sắp xếp, tổ chức lại các doanh nghiệp thì phải điều chỉnh, làm mới các hồ sơ giấy tờ có liên quan.

e) *Tác động hệ thống pháp luật:*

* *Tích cực:* Khắc phục được những lúng túng trong quá trình thực thi các quy định, tạo hành lang pháp lý đồng bộ cho xây dựng và phát triển CNQP, AN.

* *Tiêu cực:* Phải ban hành các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện.

4.3. Giải pháp 3:

a) *Tác động về kinh tế, xã hội:*

* *Lợi ích:* Như giải pháp 2. và thêm:

- Việc giao Thủ tướng Chính phủ kiện toàn tổ chức cơ quan chuyên trách quản lý nhà nước về CNQP, ĐVCN và CNAN giúp Chính phủ nâng cao hiệu lực, hiệu quả, tập trung, thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về CNQP, AN và ĐVCN. Tạo điều kiện thuận lợi, tạo cơ chế đẩy mạnh sự phối hợp giữa Bộ Quốc phòng, Bộ Công an với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan trong thực hiện chức trách quản lý Nhà nước về CNQP, AN và ĐVCN; làm cho CNQP, AN gắn kết hơn với công nghiệp dân sinh, khắc phục tình trạng khép kín như thời gian vừa qua; tăng hiệu quả huy động nguồn lực dân sinh cho phát triển CNQP, AN, giảm đầu tư từ NSNN.

- Việc tổ chức sắp xếp các cơ sở CNQP theo lộ trình đảm bảo sự bền vững phát triển của cơ sở CNQP, phù hợp nhiệm vụ trước mắt và định hướng phát triển lâu dài của cơ sở CNQP nòng cốt, không tạo ra sự chuyển biến đột ngột, đứt gãy trong sản xuất sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh. Đồng thời, cũng tạo lộ trình, mục tiêu đẩy mạnh sự tích tụ làm cho doanh nghiệp CNQP có sự chuyển biến về chất, trở thành các Tập đoàn CNQP thực sự tham gia hiệu quả vào nền kinh tế quốc dân, đủ lực để có thể vận hành theo cơ chế thị trường, giảm sự phụ thuộc vào NSNN, giảm chi đầu tư công cho đầu tư phát triển CNQP.

- Việc kiện toàn, sắp xếp các cơ sở CNAN đảm bảo sự ổn định, phát triển bền vững, phù hợp với nhiệm vụ trong tình hình mới và định hướng phát triển lâu dài, không tạo ra sự chuyển biến đột ngột, đứt gãy trong sản xuất sản phẩm an ninh.

* *Chi phí*: Như giải pháp 2.

b) *Tác động về giới*: Như giải pháp 2.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*:

* *Tích cực*: Các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN sau khi tổ chức được sắp xếp trở nên tinh gọn hiệu quả, cắt giảm nhiều thủ tục hành chính, tăng khả năng tự chủ cho doanh nghiệp. Thúc đẩy áp dụng công nghệ số trong xử lý thủ tục hành chính.

* *Tiêu cực*: Những cơ sở bị giải thể, sát nhập phải có các giải pháp phù hợp về thủ tục hành chính để đảm bảo vận hành, không bị xáo trộn trong thời gian đầu. Cần triển khai các thủ tục hành chính chuyển tiếp của giai đoạn trước và sau sắp xếp để đồng bộ.

d) *Tác động hệ thống pháp luật*: như giải pháp 2.

5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp

Qua đánh giá sơ bộ ban đầu các tác động về kinh tế - xã hội, bình đẳng giới, thủ tục hành chính, hệ thống văn bản pháp luật như mô tả ở trên và trên cơ sở tham vấn với các đối tượng liên quan, đặc biệt là từ góc độ đảm bảo các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, yêu cầu từ thực tiễn của CNQP, AN và các định hướng chính sách. Do đó, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thống nhất lựa chọn **giải pháp 3**. Thẩm quyền ban hành chính sách là Quốc hội.

III. CHÍNH SÁCH 3. THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Xác định những vấn đề bất cập

Đối với CNQP, hoạt động KHCN, trong đó có công tác nghiên cứu thiết kế, công nghệ chế tạo VKTBKT và phát triển sản phẩm mới có vai trò rất quan trọng. Hiện nay, ngành CNQP đã chủ động nghiên cứu, chế tạo và đưa vào sử dụng nhiều sản phẩm VKTBKT phục vụ huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu (trong đó, trên 80% là từ kết quả tự nghiên cứu trong nước, chỉ có khoảng 20% là do nước ngoài chuyển giao công nghệ).

Đối với CNAN hoạt động liên quan đến KHCN và phát triển sản phẩm mới đặc biệt quan trọng; các sản phẩm do các cơ sở CNAN tự nghiên cứu, sản xuất đạt khoảng 45%.

Tuy nhiên, các chính sách hiện tại đối với hoạt động KHCN trong lĩnh vực CNQP, AN vẫn còn tồn tại, bất cập:

- Các quy định, quy trình quản lý thiết kế, công nghệ chế tạo VKTBKT (định nghĩa VKTBKT, quản lý tài liệu thiết kế, quản lý công nghệ,...) chỉ có phạm vi áp dụng trong Bộ Quốc phòng chưa được luật hóa để áp dụng thống nhất chung cho các cơ sở CNQP nòng cốt, các cơ sở ĐVCN và cơ sở tham gia hoạt động

nghiên cứu phục vụ CNQP; chưa có quy định cụ thể về quản lý thiết kế, chế tạo vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, vật tư kỹ thuật nghiệp vụ áp dụng trong Bộ Công an. Điều này dẫn đến vướng mắc trong quá trình huy động đa dạng nguồn lực tham gia phát triển CNQP, AN và triển khai chuẩn bị ĐVCN.

- Mỗi chặng trong chu trình khoa học - công nghệ - sản xuất của sản phẩm quốc phòng đều thực hiện theo thủ tục riêng nên làm giảm tính liên kết của toàn chu trình, chưa tận dụng được nhiều nguồn lực đầu tư cho các sản phẩm mục tiêu, đồng thời làm chậm tiến độ đưa sản phẩm từ nghiên cứu vào trang bị¹⁵; gây khó khăn trong việc nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các sản phẩm tích hợp, công nghệ cao. Các sản phẩm tích hợp có tính đơn chiếc, chi phí chế thử lớn (tên lửa, tàu quân sự, xe tăng, xe thiết giáp, pháo tự hành...), không thể mở đề tài nghiên cứu thiết kế, chế thử độc lập mà phải triển khai theo các chương trình, dự án KHCN, trong đó bao gồm cả nội dung nghiên cứu thiết kế và chế tạo, thử nghiệm.

- Chưa có cơ chế cụ thể để trích lại lợi nhuận từ sản xuất có ứng dụng kết quả nghiên cứu KHCN đưa vào tái đầu tư nghiên cứu khoa học và hoàn thiện công nghệ đối với sản phẩm VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ¹⁶, chưa thực thi được đầy đủ Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Khoa học và công nghệ trong công tác KHCN và SXQP, AN. Đây là nguyên nhân làm chậm quá trình chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp KHCN thành doanh nghiệp KHCN làm tiền đề để xây dựng cơ chế tự chủ trong nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu của các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN.

- Các sản phẩm mẫu, vật tư, bán thành phẩm, thiết bị... sử dụng trong các nhiệm vụ phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ có tính bảo mật cao, rất khó tiếp cận trên thị trường trong nước và trên thế giới. Trong khi đó, việc mua sắm các sản phẩm này vẫn chịu sự điều chỉnh của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công; nhưng chưa có quy định cụ thể cho sản phẩm quốc phòng, an ninh nên cần có nhiều thủ tục và sự công khai trong mua sắm. Do đó, cần có chính sách ưu tiên trong thủ tục mua sắm các sản phẩm mẫu, vật tư, bán thành phẩm trong nghiên cứu, phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

- Chủ trương của Đảng, Nhà nước là huy động tiềm lực KHCN quốc gia và hợp tác quốc tế để phục vụ CNQP, AN. Trong quá trình tổ chức thực hiện, do các yếu tố liên quan đến bảo mật thông tin nên hiệu quả đạt được chưa thực sự cao, chưa phát huy được năng lực KHCN quốc gia vào hoạt động CNQP, AN để hạ giá thành sản phẩm nghiên cứu, chế thử. Do đó, cần có giải pháp phù hợp để huy động tiềm lực KHCN quốc gia cũng như hợp tác quốc tế phục vụ quốc phòng, an ninh.

¹⁵Trung bình mỗi sản phẩm VKTBKT cần 7 đến 10 năm để đưa vào trang bị cho Quân đội. Trung bình mỗi sản phẩm phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ của CNAN cần 4 đến 5 năm để đưa vào trang bị cho Công an.

¹⁶Đặc thù của cơ chế đặt hàng SXQP là không thương mại hóa, Nhà nước phê duyệt giá sản phẩm với tỷ suất lợi nhuận được ấn định.

2. Mục tiêu của chính sách nhằm giải quyết vấn đề

- Thúc đẩy ứng dụng KHCN trong nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các sản phẩm quốc phòng, an ninh, nhất là những sản phẩm tích hợp, công nghệ cao, công nghệ mới.

- Xây dựng chế độ, chính sách phù hợp trong đầu tư, giao nhiệm vụ và đối tượng đãi ngộ trong hoạt động KHCN đảm bảo gắn với đặc thù chu trình khoa học - công nghệ - sản xuất nhằm thúc đẩy sự phát triển KHCN trong CNQP, CNAN nói chung và trong nghiên cứu, chế tạo VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ nói riêng.

- Tăng cường tự chủ của các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN, mở rộng hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học và các doanh nghiệp hoạt động KHCN trong và ngoài Quân đội, Công an để sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh, cũng như phục vụ dân sinh.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện nay.

3.2. Giải pháp 2: Quy định tại Luật các chính sách thúc đẩy hoạt động KHCN phục vụ nghiên cứu, sản xuất VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, bao gồm:

- Luật hóa các quy định về quản lý thiết kế, công nghệ sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng cơ chế giao nhiệm vụ, ủy quyền quản lý các chương trình, dự án nghiên cứu, phát triển, sản xuất VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ gắn với triển khai xuyên suốt các khâu từ nghiên cứu thiết kế, chế thử đến sản xuất sản phẩm đưa vào trang bị trên cơ sở phù hợp chiến lược, kế hoạch trang bị; chiến lược, kế hoạch đảm bảo kỹ thuật.

- Quy định chính sách huy động nguồn lực từ các ngân sách và các Quỹ đảm bảo đầy đủ các khâu của quá trình phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

- Quy định cơ chế trích lại một phần lợi nhuận từ sản xuất sản phẩm có ứng dụng kết quả KHCN để tái đầu tư nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới.

3.3. Giải pháp 3: Như nội dung của giải pháp 2 và bổ sung các chính sách ưu tiên thúc đẩy hoạt động KHCN phục vụ nghiên cứu, phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ:

- Quy định chính sách đặc thù về thủ tục mua sắm sản phẩm, vật tư, bán thành phẩm... phục vụ nghiên cứu, phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

- Quy định chính sách bảo mật trong hợp tác nghiên cứu sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích hợp tác giữa các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN và viện nghiên cứu, trường đại học, các

doanh nghiệp hoạt động KHCCN trong và ngoài Quân đội, Công an, cũng như ngoài nước.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1:

a) Tác động về kinh tế:

* *Tích cực*: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện Giải pháp.

* *Tiêu cực*:

- Chưa có cơ chế giao nhiệm vụ, ủy quyền quản lý các chương trình, dự án nghiên cứu, phát triển, sản xuất VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, đảm bảo nguồn lực cho các chương trình phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ xuyên suốt từ nghiên cứu tới sản xuất, đưa vào trang bị.

- Chưa có quy định trích lại một phần lợi nhuận từ sản xuất để tái đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới do đó chưa tạo cơ chế tự chủ trong nghiên cứu, đầu tư và hợp tác nghiên cứu KHCCN của các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN.

- Mới chỉ có quy định ưu đãi đối với việc nhập khẩu các loại vật tư kỹ thuật phục vụ CNQP, AN mà trong nước chưa sản xuất được; chưa có chính sách đặc thù để mua sắm được các sản phẩm, vật tư, bán thành phẩm, thiết bị đặc chủng vốn là bí mật và rất khó tiếp cận trên thị trường trong nước và thế giới.

- Chưa có quy định về mã hóa, bảo mật nên có phần hạn chế quá trình hợp tác nghiên cứu KHCCN liên quan tới VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

b) Tác động về xã hội:

* *Tích cực*:

- Đã có một số chính sách về bảo đảm nguồn lực tài chính cho nghiên cứu VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ từ ngân sách, Quỹ phát triển KHCCN của doanh nghiệp CNQP, AN, đầu tư của các tổ chức, cá nhân; chính sách ưu đãi đối với việc nhập khẩu các loại vật tư kỹ thuật phục vụ CNQP, AN; khuyến khích và có chính sách ưu đãi tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến phục vụ xây dựng và phát triển CNQP, AN.

- Trên thực tế, đã nghiên cứu, ứng dụng KHCCN và tự chế tạo được một số VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ; một số sản phẩm có tính chất lưỡng dụng phục vụ quốc phòng, an ninh và dân sinh.

* *Tiêu cực*:

- Chưa có các quy phạm pháp luật để quản lý, đảm bảo năng suất, chất lượng đối với các cơ sở ngoài Quân đội, Công an tham gia nghiên cứu, chế tạo phục vụ CNQP, AN.

- Chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm CNQP, AN dựa trên ứng dụng KHCCN tiên tiến, hiện đại, chưa đáp

ứng kịp thời yêu cầu của thực tiễn; hạn chế khả năng chuyển giao công nghệ, ứng dụng các công trình, sản phẩm nghiên cứu trong các dự án KHCN vào phục vụ quốc phòng, an ninh, dân sinh.

- Chưa có đầy đủ các cơ chế, chính sách để thúc đẩy KHCN phục vụ CNQP, AN; nâng cao chất lượng các sản phẩm CNQP, AN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

c) *Tác động về giới:* Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

d) *Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

đ) *Tác động hệ thống pháp luật:*

* *Tích cực:* Bảo đảm sự ổn định của hệ thống pháp luật.

* *Tiêu cực:* Chưa thể chế hóa được quan điểm, định hướng chủ trương mới của Đảng về hoạt động KHCN trong lĩnh vực CNQP, AN; không khắc phục được những hạn chế, vướng mắc bất cập của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như đã nêu trên.

4.2. Giải pháp 2:

a) *Tác động về kinh tế:*

* *Tích cực:*

- Việc huy động nguồn lực từ các ngân sách và các Quỹ sẽ đảm bảo đầy đủ cho các khâu của quá trình phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ. Qua đó, tránh lãng phí trong hoạt động nghiên cứu thiết kế, chế tạo sản phẩm.

- Cơ chế trích lại một phần lợi nhuận từ sản xuất sản phẩm có ứng dụng kết quả KHCN nhằm tái đầu tư nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới, tiết kiệm NSNN.

* *Tiêu cực:*

- Cần phải xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ bám sát chiến lược phát triển KHCN và chiến lược trang bị của Quân đội, nhu cầu trang bị của Công an để hoạt động nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả.

- Phát sinh chi phí nhất định từ ngân sách để phục vụ cho các chính sách mới về KHCN.

b) *Tác động về xã hội:*

* *Tích cực:*

- Nâng cao sự tự chủ, đầu tư và hợp tác nghiên cứu KHCN sẽ khuyến khích các cơ sở trong và ngoài Quân đội, Công an tích cực triển khai các dự án, nhiệm vụ KHCN có giá trị và sát yêu cầu thực tiễn, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, ứng dụng các công trình, sản phẩm nghiên cứu KHCN vào phục vụ quốc phòng,

an ninh và dân sinh nhằm phát triển kinh tế - xã hội và gia tăng đầu tư trở lại cho công tác nghiên cứu và phát triển.

- Tạo điều kiện nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, cải tiến, hiện đại hóa dây chuyền sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tính lưỡng dụng.

* *Tiêu cực*: Không có.

c) *Tác động về giới*: Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

d) *Tác động về thủ tục hành chính*:

**Tích cực*: Cơ chế giao nhiệm vụ, ủy quyền quản lý, đảm bảo nguồn lực thống nhất sẽ góp phần giảm thủ tục hành chính, thúc đẩy sự phát triển của các sản phẩm trong lĩnh vực CNQP, AN.

* *Tiêu cực*: Không có.

đ) *Tác động hệ thống pháp luật*:

* *Tích cực*:

- Bảo đảm quy định cụ thể, rõ ràng các chính sách về hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ CNQP, AN, vừa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định có liên quan tại Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ và khắc phục được những hạn chế trong các quy định của văn bản pháp lý hiện hành.

- Quy phạm pháp luật đầy đủ về quản lý thiết kế, công nghệ chế tạo đảm bảo chặt chẽ, an toàn, chất lượng, đồng thời tạo ra hành lang pháp lý để các cơ sở ngoài Quân đội, Công an tham gia nghiên cứu, thiết kế, chế tạo phục vụ CNQP, AN.

* *Tiêu cực*: Phải xây dựng, ban hành Luật và các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết thi hành; đồng thời ban hành các quy phạm pháp luật, hướng dẫn chi tiết của Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Khoa học và công nghệ trong Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để đáp ứng được đặc thù lĩnh vực CNQP, AN.

4.3. Giải pháp 3:

a) *Tác động về kinh tế*:

* *Tích cực*: Ngoài các điểm tích cực như giải pháp 2 thì việc có chính sách đặc thù về thủ tục mua sắm sản phẩm, vật tư, bán thành phẩm... phục vụ nghiên cứu, phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ sẽ góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ để đáp ứng được yêu cầu huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Khuyến khích hợp tác giữa các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN và viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp hoạt động KH-CN. Đồng thời, bảo đảm tính bí mật trong hợp tác nghiên cứu sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh.

* *Tiêu cực*: Phải có phương thức kiểm soát phù hợp để tránh lộ lọt thông tin bí mật và lãng phí nguồn lực.

b) *Tác động về xã hội*:

* *Tích cực*: Ngoài các điểm tích cực như giải pháp 2 thì các chính sách ưu đãi, hỗ trợ sẽ góp phần khuyến khích, thúc đẩy hợp tác giữa các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN và viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp hoạt động KHCN trong và ngoài Quân đội, Công an; huy động sự tham gia của các chuyên gia, cơ sở, tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài Quân đội, Công an vào nghiên cứu sản xuất các sản phẩm CNQP, AN.

* *Tiêu cực*: Các chi phí phát sinh do chính sách mới về ưu đãi, hỗ trợ khuyến khích, thúc đẩy hợp tác giữa các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN và viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp hoạt động KHCN trong và ngoài Quân đội, Công an.

c) *Tác động về giới*: Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

d) *Tác động về thủ tục hành chính*:

* *Tích cực*: Không phát sinh các thủ tục hành chính trong mua sắm sản phẩm, vật tư, bán thành phẩm... và hợp tác nghiên cứu, phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

* *Tiêu cực*: Phải bổ sung thêm các thủ tục kiểm soát, chống lộ lọt thông tin khi hợp tác, nghiên cứu phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

đ) *Tác động hệ thống pháp luật*

* *Tích cực*: Như Giải pháp 2.

* *Tiêu cực*: Như Giải pháp 2 và phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết Luật Đấu thầu để phù hợp với đặc thù nghiên cứu VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động các giải pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thống nhất ***lựa chọn Giải pháp 3***. Thẩm quyền ban hành chính sách là Quốc hội.

IV. CHÍNH SÁCH 4: HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC CHO CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

1. Xác định những vấn đề bất cập

Huy động nguồn lực về tài chính và nhân lực chất lượng cao bảo đảm cho phát triển là vấn đề then chốt trong xây dựng và phát triển CNQP, AN. Thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã có những quan điểm, chủ trương định hướng tạo nguồn lực tài chính để đầu tư cho phát triển CNQP, AN như trong các Nghị quyết đã nêu ở phần đầu. Trong đó Nghị quyết số 06/NQ-TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển CNQP đến năm 2020 và những năm tiếp theo đã xác định các mục tiêu cụ thể: Tăng mức đầu tư phát triển CNQP; khẩn trương xây dựng hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế chính sách đặc thù để tận dụng và phát huy tối đa các nguồn lực, phải xác định cơ chế ưu tiên để huy động nguồn lực tài chính và nhân lực; đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho CNQP, lấy nguồn vốn từ

NSNN là chính, được bố trí theo chương trình mục tiêu trọng điểm quốc gia và bảo đảm đủ theo kế hoạch đã duyệt; chú trọng và có cơ chế phù hợp để huy động, khai thác các nguồn vốn khác. Pháp lệnh đã có một điều khoản riêng về nguồn vốn đầu tư cho phát triển CNQP; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 02/10/2020 về triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh phát triển CNQP, AN, trong đó xác định phải kiên trì phấn đấu thực hiện những mục tiêu, phương hướng phát triển CNQP, AN.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định “*Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại;... Phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại*”. Trong đó, đề ra một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là “*Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng thu hút, đào tạo nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”. Công tác tuyển dụng, tuyển chọn, đào tạo thu hút nhân lực phục vụ CNQP, AN là nhân tố cơ bản, cốt lõi để xây dựng và phát triển CNQP, AN góp phần nâng cao tiềm lực quân sự, quốc phòng, an ninh của đất nước gắn với xây dựng, phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tiễn vẫn còn một số hạn chế, tồn tại trong xây dựng phát triển CNQP, AN như:

- Nguồn vốn bảo đảm cho hoạt động đầu tư xây dựng và phát triển CNQP, AN từ NSNN chưa đáp ứng đủ nhu cầu tối thiểu. Thực tế trong giai đoạn 2011-2020 kinh phí đầu tư vốn NSNN cho CNQP chỉ chiếm khoảng 7,6% NSNN đầu tư của Bộ Quốc phòng và đạt khoảng 56% so với kế hoạch đăng ký; cho CNAN chỉ chiếm khoảng 1,6% NSNN đầu tư của Bộ Công an và đạt khoảng 17,5% so với kế hoạch đăng ký; CNQP, CNAN đã có nhiều Đề án, Chương trình mục tiêu xây dựng và phát triển nhưng chưa được bố trí vốn, một số chương trình chỉ bố trí được một phần vốn kế hoạch đề ra. Việc đầu tư cho CNQP, AN chủ yếu phụ thuộc vào NSNN, trong khi nguồn vốn đầu tư của Chính phủ phần lớn được sử dụng cho đầu tư phát triển, nguồn ngân sách quốc phòng, an ninh chủ yếu được sử dụng để đầu tư mua sắm, đổi mới, nâng cấp VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ. Về lâu dài, ảnh hưởng rất lớn đến mục tiêu từng bước bảo đảm VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho LLVTND của CNQP, AN, đặc biệt là nghiên cứu, chế tạo, sản xuất được một số loại vũ khí, trang bị, khí tài, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ hiện đại có ý nghĩa chiến lược để nâng cao tiềm lực, tạo tiền đề phấn đấu đến năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

- Việc huy động các nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách để xây dựng, phát triển CNQP, AN nhằm giảm gánh nặng cho NSNN còn nhiều vướng mắc, bất cập như: Công tác đầu tư tương đối dàn trải, thiếu tập trung, không đồng bộ, thống nhất với mục tiêu phát triển chung của ngành; cơ chế, chính sách hợp tác, liên doanh, liên kết giữa CNQP, AN với các thành phần kinh tế không tạo được sức hút; chưa sẵn sàng chia sẻ bí quyết công nghệ;...

- Các chế độ, chính sách về tuyển dụng, tuyển chọn, đào tạo, đãi ngộ đối với nguồn nhân lực phục vụ trong lĩnh vực CNQP, AN và ĐVCN, đặc biệt là lao động tay nghề cao, các chuyên gia, cán bộ đầu ngành về kỹ thuật, công nghệ còn mang nặng tính bình quân, chưa tạo được sức hút. Thu nhập hàng tháng theo kết quả sản xuất kinh doanh của người lao động thấp hơn nhiều so với các doanh nghiệp trên địa bàn hoạt động thuần sản xuất kinh tế, chưa tương quan hợp lý với tiền lương trên thị trường lao động, công việc có tính chất đặc thù, độc hại, nguy hiểm, gây thiếu hụt nguồn nhân lực đặc biệt là nhân lực chất lượng cao do không bảo đảm tính cạnh tranh.

- Chính sách thu hút, thuê chuyên gia nước ngoài của các cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN còn một số bất cập, vướng mắc về thủ tục cấp giấy phép lao động; quy trình thẩm định, lựa chọn chuyên gia phức tạp, kéo dài; chi phí thuê chuyên gia cao;... Thực tế số lượng chuyên gia nước ngoài được các cơ sở CNQP nòng cốt chủ động thu hút, tự triển khai các thủ tục thuê theo hợp đồng là rất hạn chế (chuyên gia chủ yếu tham gia theo các dự án tiếp nhận chuyển giao công nghệ của Bộ Quốc phòng).

- Việc quy hoạch quỹ đất cho phát triển CNQP, AN còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu vừa phục vụ cả nhiệm vụ thời bình, vừa nhiệm vụ thời chiến, trong đó cần phải quy hoạch đất đảm bảo hành lang an toàn cho các cơ sở CNQP trong điều kiện đô thị hóa.

Với những hạn chế nêu trên, trong thời gian tới, cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động hiệu quả các nguồn lực từ NSNN và nguồn vốn ngoài ngân sách, tạo quỹ đất cho xây dựng và phát triển CNQP, AN; thu hút, gìn giữ nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Từ đó, bảo đảm hoạt động hiệu quả, nâng cao chất lượng VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa Quân đội nhân dân, Công an nhân dân phù hợp với chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới; đồng thời, thích ứng với sự phát triển nhanh của nền kinh tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Xây dựng hành lang pháp lý để nâng cao chất lượng, tạo động lực đột phá cho xây dựng và phát triển CNQP, AN, thực hiện ĐVCN theo hướng đổi mới, đồng bộ, hiệu quả. Bảo đảm phân bổ, bố trí vốn từ NSNN đầu tư cho CNQP, AN có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ với mục tiêu chiến lược đề ra; có cơ chế ưu tiên nguồn vốn ngân sách đầu tư phát triển cho một số lĩnh vực đặc thù CNQP, AN, lĩnh vực “công nghệ cao”.

- Tăng cường huy động các nguồn vốn hợp pháp ngoài NSNN, vốn vay tín dụng, ưu đãi, huy động tài chính từ các nhà tài trợ, chuyển giao công nghệ,... để triển khai chiến lược quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển kết hợp với NSNN nhằm bổ sung, tăng cường kinh phí bảo đảm cho CNQP, AN.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách thu hút, huy động nguồn nhân lực chất

lượng cao ở trong và ngoài nước tham gia xây dựng và phát triển CNQP, AN; đồng thời có cơ chế duy trì, phát triển nguồn nhân lực hiện có, đặc biệt là người lao động lành nghề, các cán bộ, chuyên gia đầu ngành về kỹ thuật, công nghệ trong lĩnh vực CNQP, AN.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành¹⁷

3.2. Giải pháp 2:

- Quy định cơ chế, chính sách nhà nước bảo đảm cho phát triển CNQP, AN như: NSNN bố trí cho CNQP, CNAN được cơ cấu thành khoản mục riêng trong tổng số vốn ngân sách Trung ương được cấp có thẩm quyền phân bổ cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trung hạn, hàng năm, đảm bảo ổn định trong suốt quá trình phân bổ và giải ngân; dự trữ nguồn lực vật tư chiến lược cho CNQP, ĐVCN để đáp ứng nhu cầu thời bình và thời chiến, dự trữ vật tư kỹ thuật đặc biệt, chuyên dùng cho CNAN bảo đảm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm trong các trường hợp khẩn cấp về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; bố trí quỹ đất đảm bảo cho phát triển CNQP, AN, vành đai an toàn cho CNQP trong điều kiện đô thị hoá.

- Giao Thủ tướng Chính phủ quyết định về ngân sách đặc biệt phục vụ CNQP, AN bổ sung cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án đặc thù, mang tính chiến lược, đột phá, công nghệ cao trong lĩnh vực CNQP, AN; quy định chi, thanh, quyết toán đối với nguồn ngân sách này đảm bảo sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Quy định Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an được quyền phân bổ, điều tiết hợp lý ngân sách được giao quản lý để kịp thời bổ sung nguồn vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng điểm CNQP, CNAN cần triển khai để đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong trường hợp cần thiết theo Luật Ngân sách.

- Hoàn thiện chính sách thu hút, tuyển dụng, tuyển chọn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ tri thức, nhà khoa học phục vụ phát triển CNQP, AN. Thực hiện chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đối với một số ngành đặc thù CNQP, AN, lĩnh vực “công nghệ cao”; làm tốt công tác quy hoạch, luân chuyển điều động, bổ nhiệm cán bộ, trọng dụng những nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành.

3.3. Giải pháp 3: Tương tự như giải pháp 2 và bổ sung một số nội dung như sau:

- Xây dựng các cơ chế, chính sách huy động các thành phần kinh tế tham gia hỗ trợ phát triển CNQP, AN về nguồn nhân lực chất lượng cao theo nguyên tắc các bên cùng được hưởng lợi, sẵn sàng chia sẻ một số bí quyết công nghệ có

¹⁷ Giữ nguyên quy định hiện hành về huy động nguồn lực tài chính, nhân lực cho phát triển CNQP tại Pháp lệnh CNQP và Nghị định số 46/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009; cho phát triển CNAN tại Nghị định 63/2020/NĐ-CP ngày 08/6/2020; Nghị định số 169/2007/NĐ-CP ngày 19/11/2007 của Chính phủ về huy động tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ công tác công an.

tính lưỡng dụng.

- Huy động chuyên gia công nghệ, hợp tác với các nhà tài trợ nước ngoài để phát triển, nghiên cứu, sản xuất, chế tạo một số sản phẩm quốc phòng, lưỡng dụng kỹ thuật, công nghệ cao.

- Hoàn thiện các chính sách thu hút, ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước có kinh nghiệm, trình độ, năng lực chuyên môn cao tham gia một số hoạt động tại các cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN (như quy trình, thủ tục để thẩm định, miễn giấy phép lao động, chỉ định lựa chọn, trả thù lao đặc biệt theo hợp đồng thuê khoán, miễn giảm một phần các loại thuế, phí).

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1:

a) Tác động kinh tế - xã hội:

* *Tích cực:* Đã hình thành một số cơ chế chính sách, đáp ứng được một phần các quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng và phát triển CNQP, ĐVCN, kế hoạch đầu tư phát triển CNAN nhằm củng cố năng lực bảo đảm VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng vũ trang. Quá trình thực hiện các chính sách ưu đãi, thu hút nhân lực đã mang lại niềm tin, lợi ích cho người lao động làm việc trong lĩnh vực CNQP, AN nhất là những lĩnh vực độc hại, nguy hiểm. Không làm phát sinh chi phí đối với NSNN.

* *Tiêu cực:* Không giải quyết được các vấn đề bất cập như đã nêu ở trên. Về lâu dài, việc không đáp ứng đủ nguồn lực tài chính cho xây dựng, phát triển CNQP sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu từng bước bảo đảm VKTBKT cho lực lượng vũ trang, đặc biệt là nghiên cứu, chế tạo, sản xuất được một số loại vũ khí, trang bị, khí tài hiện đại có ý nghĩa chiến lược. Các quy hoạch, kế hoạch đầu tư trong lĩnh vực CNQP, kế hoạch đầu tư phát triển CNAN tiếp tục phụ thuộc chủ yếu vào NSNN; hạn chế việc huy động, thu hút các nguồn vốn hợp pháp nhằm giảm gánh nặng cho NSNN. Các chế độ, chính sách đối với nguồn nhân lực trong nước và nước ngoài đặc biệt là lao động tay nghề cao, các chuyên gia, cán bộ đầu ngành về kỹ thuật, công nghệ trong lĩnh vực CNQP, AN chưa được chú trọng.

b) Tác động về giới: Giải pháp này không có tác động về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh các thủ tục hành chính mới.

d) Tác động hệ thống pháp luật:

* *Tích cực:* Bảo đảm sự ổn định của các quy định pháp luật hiện hành về CNQP, CNAN; không phải xây dựng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

* *Tiêu cực:* Không thể chế hóa được quan điểm, định hướng chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển CNQP, AN trong tình hình mới; không khắc phục được những hạn chế, vướng mắc như đã nêu ở phần bất cập.

4.2. Giải pháp 2:

a) Tác động kinh tế - xã hội:

* Tích cực:

- Giải pháp chính sách quy định rõ việc “bổ trí, phân bổ vốn NSNN đầu tư cho CNQP, CNAN cơ cấu thành khoản mục riêng trong trong dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách Trung ương cho Bộ, ngành, đảm bảo ổn định trong suốt quá trình phân bổ và giải ngân” sẽ không làm tăng chi phí NSNN vì không làm ảnh hưởng tới tổng mức chi tiêu được phân bổ cho Bộ, ngành. Sự khác biệt là chỉ tạo một dòng ngân sách riêng cho phát triển CNQP, AN; với một khoản mục riêng, ngân sách cho đầu tư phát triển CNQP, AN sẽ có tính rõ ràng, ổn định và có tính tiên lượng cao hơn cho kế hoạch phát triển dài hạn. Điều này là yếu tố quan trọng bảo đảm ngân sách và tăng tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công dành cho CNQP, AN; các hoạt động đầu tư trong CNQP, AN sẽ có trọng tâm, trọng điểm bảo đảm đồng bộ, thống nhất, ưu tiên cho một số lĩnh vực đặc thù, lĩnh vực “công nghệ cao”.

- Cơ chế cho phép Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an được quyền phân bổ, điều tiết hợp lý ngân sách được giao quản lý hàng năm và nguồn ngân sách đặc biệt (từ Quỹ dự trữ ngoại hối; trích một phần lợi nhuận sau thuế và các nguồn vốn hợp pháp khác của các doanh nghiệp quốc phòng, an ninh hoạt động hiệu quả) sẽ kịp thời bổ sung nguồn vốn, tăng cường nguồn lực tập trung nghiên cứu, phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ mới. Qua đó, sẽ góp phần nâng cao tính chủ động trong triển khai các quy hoạch, kế hoạch đầu tư, đáp ứng được nhu cầu về nguồn lực tài chính xây dựng và phát triển CNQP, AN, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Kết hợp với NSNN để bổ sung, tăng cường kinh phí bảo đảm cho CNQP, AN. Việc Thủ tướng Chính phủ quy định chi, thanh, quyết toán đối với nguồn ngân sách đặc biệt tạo cơ sở pháp lý cho phép triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án đặc thù của CNQP, AN nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả đảm bảo theo đúng quy định.

- Các chính sách về thu hút, tuyển dụng, tuyển chọn, đào tạo nguồn nhân lực sẽ tạo động lực thu hút, gìn giữ, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là lao động lành nghề, cán bộ, chuyên gia đầu ngành, đội ngũ tri thức, nhà khoa học về kỹ thuật, công nghệ phục vụ trong lĩnh vực CNQP, AN. Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu, sản xuất các loại VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ mới, hiện đại, “công nghệ cao”; tạo cơ hội để người lao động phấn đấu, trau dồi nâng cao trình độ chuyên môn, giải phóng sức sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động. Bảo đảm chế độ, chính sách cho người lao động theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ tiêu hao sức khỏe góp phần bảo đảm thu nhập, quyền lợi chính đáng, an sinh xã hội, ổn định tâm lý của các đối tượng tham gia hoạt động CNQP, AN. Quy định cụ thể về các chính sách thu hút, đào tạo, tuyển dụng, tuyển chọn không làm tăng chi phí của NSNN mà sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp CNQP, AN nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cải thiện cơ chế, chính sách trả lương cho người lao động.

* *Tiêu cực*: Chi phí quỹ lương của các doanh nghiệp CNQP, AN sẽ tăng lên. Có sự chênh lệch về thu nhập giữa đội ngũ nhân lực chất lượng cao, lao động lành nghề, cán bộ, chuyên gia đầu ngành về kỹ thuật, công nghệ với các lực lượng lao động khác.

b) *Tác động về giới*: Hiện nay, số lao động nữ làm việc trong các cơ sở CNQP toàn quân chiếm trên 23% tổng số lao động, trong cơ sở CNAN chiếm khoảng 30% tổng số lao động; trong đó nhiều lao động nữ có trình độ tham gia nghiên cứu KH-CN, là cán bộ quản lý, góp phần quan trọng trong xây dựng và phát triển CNQP, AN. Vì vậy, giải pháp này thúc đẩy và mang đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích chính đáng của người lao động nam và nữ; không mang tính phân biệt về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*: Chính sách không tạo ra thủ tục hành chính giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp và người dân nên không có tác động về thủ tục hành chính.

d) *Tác động hệ thống pháp luật*:

* *Tích cực*: Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, xây dựng hành lang pháp lý để nâng cao chất lượng, tạo động lực đột phá cho xây dựng và phát triển CNQP, AN theo hướng đổi mới, đồng bộ, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ với mục tiêu chiến lược đề ra. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách, nâng cao hiệu quả của hệ thống pháp luật, cải cách thủ tục hành chính nhằm duy trì, gìn giữ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm quyền lợi cho người lao động trong lĩnh vực CNQP, AN.

* *Tiêu cực*: Phải xây dựng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; bổ sung một số nội dung chi tiết về thu hút, tuyển dụng, tuyển chọn, đào tạo nhân lực chất lượng cao; cần phải xây dựng các quy định chi, thanh quyết toán đối với nguồn ngân sách đặc biệt.

4.3. Giải pháp 3: Tác động của các chính sách về quy định cơ cấu khoản mục riêng cho CNQP, CNAN trong dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách Trung ương cho Bộ, ngành; quy định về ngân sách đặc biệt, quy định về thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an phân bổ, điều tiết hợp lý ngân sách được giao quản lý hằng năm để bổ sung cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án đặc thù, mang tính chiến lược, đột phá, công nghệ cao; thu hút, tuyển dụng, tuyển chọn, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tương tự như đã nêu tại giải pháp số 2. Tác động của các chính sách bổ sung tại giải pháp 3 như sau:

a) *Tác động kinh tế - xã hội*:

* *Tích cực*:

- Việc xây dựng các cơ chế, chính sách tăng cường huy động các nguồn vốn hợp pháp ngoài NSNN; thu hút, huy động nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ tri thức, nhà khoa học cho xây dựng và phát triển CNQP, AN theo nguyên tắc các bên cùng được hưởng lợi sẽ góp phần chia sẻ áp lực bảo đảm tài chính của NSNN, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN tập trung đầu tư phát triển các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, có tính đặc thù CNQP, AN, lĩnh vực “công nghệ

cao”. Bên cạnh đó, gắn kết chặt chẽ CNQP, AN với công nghiệp quốc gia; mở rộng khả năng hợp tác, kinh doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp CNQP, AN với các thành phần kinh tế đóng góp vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là Cách mạng về công nghệ quân sự đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn thế giới; các chính sách huy động vốn vay ưu đãi, chuyển giao công nghệ, hợp tác với các nhà tài trợ nước ngoài để phát triển, nghiên cứu, sản xuất, chế tạo một số sản phẩm quốc phòng, an ninh lưỡng dụng có hàm lượng kỹ thuật, công nghệ cao sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho CNQP, AN tiếp cận với các “công nghệ cao”, thành tựu tiên tiến của thế giới. Từ đó, tạo tiền đề vững chắc để phát triển CNQP bảo đảm VKTBKT hiện đại, vũ khí chiến lược cho lực lượng vũ trang, phát triển CNAN đảm bảo phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng Công an nhân dân và lực lượng thực thi pháp luật khác; đồng thời khẳng định vị thế, vai trò dẫn dắt của CNQP, AN; phấn đấu CNQP, AN là mũi nhọn trong quá trình xây dựng, phát triển công nghiệp quốc gia, từng bước hội nhập với thị trường quốc tế.

- Việc hoàn thiện các chính sách thu hút, ưu đãi đối với chuyên gia, đội ngũ tri thức, nhà khoa học nước ngoài trong lĩnh vực CNQP, AN sẽ góp phần tạo động lực để các chuyên gia nước ngoài có kinh nghiệm, trình độ, năng lực chuyên môn cao tham gia nghiên cứu, chế tạo các sản phẩm trong lĩnh vực đặc thù CNQP, AN, lĩnh vực “công nghệ cao”. Tạo điều kiện để CNQP, AN phát triển có trình độ, năng lực tương đương với thế giới; các cán bộ, chuyên gia trong nước có cơ hội tiếp xúc, học hỏi trực tiếp từ các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành của quốc tế.

* *Tiêu cực*: Việc ưu đãi các chuyên gia nước ngoài về cơ chế trả lương, miễn giảm một phần các loại thuế, phí,... có thể làm giảm thu NSNN trong thời gian thực hiện. Tuy nhiên, về lâu dài, trình độ, năng lực công nghệ của CNQP, AN sẽ được tăng cường đáng kể, phát triển tương đương với thế giới, đặc biệt là trong một số lĩnh vực đặc thù, lĩnh vực “công nghệ cao”.

b) *Tác động về giới*: Chính sách không tạo ra tác động về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*: Chính sách sẽ góp phần hoàn thiện, cải cách một số thủ tục hành chính về thẩm định, miễn giấy phép lao động, chỉ định lựa chọn,... đối với các chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động CNQP, AN. Chính sách không tạo ra thủ tục hành chính giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp và người dân Việt Nam.

d) *Tác động hệ thống pháp luật*:

* *Tích cực*: Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách, xây dựng hành lang pháp lý nâng cao hiệu quả của hệ thống pháp luật nhằm huy động vốn đầu tư ngoài NSNN, vốn vay ưu đãi, các thành phần kinh tế, các đối tác nước ngoài tham gia xây dựng và phát triển CNQP, AN. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, ưu đãi, tạo điều

kiện thuận lợi để chuyên gia nước ngoài có kinh nghiệm, trình độ, năng lực chuyên môn cao tham gia hoạt động CNQP, AN. Khắc phục các hạn chế như đã nêu ở phần bắt cập.

* *Tiêu cực*: Phải xây dựng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; bổ sung một số nội dung quy định chi tiết ngân sách đặc biệt, chuyên giao công nghệ, hợp tác với các nhà tài trợ; cần phải xây dựng quy định cụ thể về thu hút, ưu đãi đối với chuyên gia, đội ngũ tri thức, nhà khoa học nước ngoài tham gia hoạt động tại các cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động các giải pháp, cân bằng giữa lợi ích và chi phí, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thống nhất ***lựa chọn Giải pháp 3***. Thẩm quyền ban hành chính sách là Quốc hội.

V. CHÍNH SÁCH 5: MỞ RỘNG ĐỐI TƯỢNG, HOÀN THIỆN PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

1. Xác định những vấn đề bắt cập

- Hiện nay, ĐVCN chỉ giới hạn đối với doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực cơ khí, luyện kim, hóa chất và điện tử; chưa áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài¹⁸; đối tượng huy động chưa bao gồm được tất cả các thành phần kinh tế tham gia; làm hạn chế khả năng huy động tối đa năng lực, tiềm lực, nội lực công nghiệp quốc gia tham gia ĐVCN. Đối tượng sử dụng sản phẩm ĐVCN chỉ giới hạn cho Quân đội là chưa đầy đủ, toàn diện và chưa phù hợp với yêu cầu chiến lược trang bị cho LLVTND. Mục tiêu, nhiệm vụ của ĐVCN chưa đáp ứng và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân.

- Pháp luật về ĐVCN hiện hành quy định ĐVCN được triển khai thực hiện theo phương thức "*giao nhiệm vụ, đầu tư*"; chưa phù hợp với hệ thống pháp luật về đầu tư công, giá, đấu thầu khi sử dụng NSNN. Điều này gây ra sự lãng phí, bất cập khi triển khai thực hiện.

- Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ĐVCN được phân định, phân cấp đối với doanh nghiệp thuộc quyền của bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty; doanh nghiệp do địa phương quản lý. Quy định này có nhiều điểm chưa phù hợp¹⁹,

¹⁸ Chiếm tỷ trọng lớn của nền kinh tế quốc dân; được đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiệm cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật thế giới.

¹⁹ Theo Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp được tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm, không hoàn toàn thuộc quyền quản lý của địa phương hoặc của Trung ương. Hệ thống tổ chức, cơ cấu về quan hệ ngành dọc, chỉ đạo, quản lý được thực hiện đối với doanh nghiệp nhà nước, nhưng chưa cụ thể. Các loại hình doanh nghiệp khác chủ yếu phân định theo chức năng chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu về vốn, người quản lý doanh nghiệp; nhằm bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh, lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, chủ động điều chỉnh quy mô, ngành nghề kinh doanh. Do vậy, triển khai giao nhiệm vụ theo hệ thống tổ chức ngành dọc đối với doanh nghiệp (như Pháp lệnh gọi là thuộc quyền) chưa phù hợp với quy định về quyền của doanh nghiệp.

còn chông chéo, phân tán, chưa cụ thể²⁰; chưa bảo đảm sự quản lý thống nhất của trung ương, chưa phân cấp cho chính quyền địa phương trong thực hiện quản lý nhà nước đối với lĩnh vực trên địa bàn; chưa phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ.

- Pháp lệnh ĐVCN chưa quy định về quyền và trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp và người lao động trong dây chuyền ĐVCN khi chuẩn bị và thực hành ĐVCN. Chế độ, chính sách trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN mới chỉ là quy định khung; chưa đầy đủ, cụ thể, chưa phù hợp với hoạt động đặc thù của ĐVCN; chưa có cơ chế bảo đảm, hỗ trợ, thu hút, khuyến khích, ưu tiên các doanh nghiệp, cá nhân tham gia ĐVCN. Trong thực tiễn, các cơ quan chức năng (cơ quan quản lý, cơ quan thực hiện chi trả chính sách...) chưa đủ cơ sở để thực hiện; người quản lý doanh nghiệp, người lao động khó tiếp cận và thực hiện các thủ tục để thụ hưởng các chế độ chính sách theo quy định của Pháp lệnh và các văn bản liên quan.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Huy động tối đa tiềm lực công nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để nâng cao năng lực ĐVCN sản xuất, sửa chữa VKTBKT cho Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ; tạo tiền đề xây dựng kế hoạch, phương án, quyết định số lượng, nhiệm vụ và chỉ tiêu sản xuất, sửa chữa VKTBKT khi thực hành ĐVCN.

- Xây dựng cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu và quản lý sản xuất sản phẩm ĐVCN bảo đảm đồng bộ, khoa học, chặt chẽ, minh bạch, hiệu quả. Tăng cường công tác quản lý, điều độ, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu; gắn trách nhiệm của cơ quan trực tiếp giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu với cơ quan quản lý, đơn vị nghiên cứu, thiết kế, sản xuất và đơn vị sử dụng; huy động cao nhất tiềm lực công nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện ĐVCN.

- Phân định rõ trách nhiệm của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong thực hiện nhiệm vụ ĐVCN; phân định thẩm quyền của cơ quan, chính quyền địa phương trong thực hiện ĐVCN phù hợp với pháp luật của Nhà nước về chức năng quản lý theo địa bàn, khu vực phòng thủ.

- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để thực hiện chính sách đối với doanh nghiệp tham gia ĐVCN phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của đất nước; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

²⁰ Về quản lý doanh nghiệp, bộ, ngành có chức năng quản lý nhà nước, chủ yếu ở tầm vĩ mô; tập đoàn kinh tế, tổng công ty có chức năng kinh doanh, nhưng thực chất không có pháp nhân mà chỉ là tổ chức tập hợp các công ty (có pháp nhân độc lập) có mối liên hệ về vốn, tài chính, công nghệ, thị trường, thương hiệu, nghiên cứu, đào tạo... Nhiều nội dung, quy định của Pháp lệnh không triển khai hoặc triển khai không kịp thời, chông chéo, trung gian qua nhiều khâu, nhiều cấp, như: Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu ĐVCN cho các tập đoàn, tổng công ty (thực tế nội dung này chỉ cần giao cho bộ, ngành, UBND cấp tỉnh); giao bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty tổ chức khảo sát năng lực các doanh nghiệp thuộc quyền là không khả thi (nội dung này giao cho UBND cấp tỉnh tổ chức khảo sát doanh nghiệp trên địa bàn là hiệu quả). Thực tiễn cho thấy vai trò của tập đoàn, tổng công ty trong thực hiện nhiệm vụ ĐVCN là không thực sự cần thiết.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định pháp luật hiện hành (Pháp lệnh ĐVCN).

3.2. Giải pháp 2:

- Mở rộng phạm vi đối tượng tham gia ĐVCN gồm các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế (bao gồm tất cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) hoạt động trong các lĩnh vực, ngành công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ có khả năng sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho LLVTND.

- Hoàn thiện phương thức thực hiện ĐVCN theo hướng kế thừa các phương thức của Pháp lệnh (giao nhiệm vụ, đấu thầu), bổ sung phương thức đặt hàng; tạo hành lang pháp lý để triển khai thực hiện nhiệm vụ ĐVCN đáp ứng yêu cầu từng nhiệm vụ, từng thời kỳ, giai đoạn. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ ĐVCN căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tính chất hàng hóa, sản phẩm; yêu cầu bảo đảm tiến độ, bí mật quân sự, lựa chọn phương thức và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ĐVCN theo quy định của Chính phủ.

- Quy định trách nhiệm trong quản lý nhà nước và phân cấp trong tổ chức thực hiện đối với nhiệm vụ ĐVCN: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ĐVCN; Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý về ĐVCN. Đồng thời, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm, quyền hạn thực hiện ĐVCN trong địa bàn quản lý phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ.

- Bổ sung quy định về chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động khi tham gia ĐVCN tương ứng như chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp quốc phòng, an ninh và lực lượng khác (Lực lượng dự bị động viên, Dân quân tự vệ) khi tham gia hoạt động quốc phòng, trong cùng điều kiện, tính chất hoạt động đã được quy định tại các hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan.

3.3. Giải pháp 3:

- Mở rộng phạm vi đối tượng tham gia ĐVCN thuộc mọi thành phần kinh tế (gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà thành viên hoặc cổ đông nước ngoài có tỷ lệ vốn góp không có quyền quyết định) hoạt động trong các lĩnh vực nghiên cứu KH-CN, sản xuất công nghiệp; mở rộng đối tượng sử dụng sản phẩm ĐVCN (gồm Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ).

- Hoàn thiện phương thức thực hiện ĐVCN theo hướng bổ sung hình thức đặt hàng, đấu thầu. Quy định trách nhiệm và phân cấp quản lý trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ ĐVCN: Chính phủ thống nhất quản lý và giao Bộ Quốc phòng trực tiếp thực hiện quản lý nhà nước về ĐVCN; phân cấp cho UBND cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện ĐVCN trong địa bàn quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ.

- Bổ sung quy định về chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động khi tham gia ĐVCN tương ứng như chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp

quốc phòng, an ninh và lực lượng khác (Lực lượng dự bị động viên, Dân quân tự vệ) khi tham gia hoạt động quốc phòng, trong cùng điều kiện, tính chất hoạt động, như: Doanh nghiệp được hạch toán phụ cấp thâm niên, phụ cấp trách nhiệm, độc hại, thu hút và một số khoản chi đặc thù vào giá thành sản phẩm; trong thực hành ĐVCN, được Nhà nước cấp kinh phí bù đắp chi phí trong trường hợp giá sản phẩm được duyệt theo kế hoạch không đủ so với thực tế sản xuất, sửa chữa, kinh phí cho việc duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa vận hành dây chuyền ĐVCN trong trường hợp tạm ngừng sản xuất mà không có khả năng tự bù đắp chi phí.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định pháp luật hiện hành (Pháp lệnh ĐVCN).

a) Tác động về kinh tế:

* *Tích cực:* Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

* *Tiêu cực:*

- Đối tượng ĐVCN không có doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài làm hạn chế tiếp thu được những công nghệ tiên tiến để nghiên cứu áp dụng, nhằm nâng cao năng lực sản xuất cho doanh nghiệp trong nước; hạn chế đến việc chủ động sản xuất trang bị kỹ thuật trong nước cả thời bình và thời chiến; phải phụ thuộc nhập khẩu trang bị kỹ thuật từ nước ngoài, dẫn đến tăng chi phí NSNN, ảnh hưởng đến dự trữ (ngoại tệ) quốc gia.

- Nếu không có quy hoạch, định hướng đầu tư và sự điều hành của Nhà nước, sẽ gây lãng phí ngân sách do việc đầu tư dàn trải, trùng lặp; sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tham gia ĐVCN sẽ bị ảnh hưởng nếu không được giao chỉ tiêu thường xuyên hoặc định kỳ.

- Tăng chi NSNN bảo đảm cho thực hiện nhiệm vụ ĐVCN như chi phí nhân lực khảo sát, đánh giá năng lực của doanh nghiệp, chi phí đầu tư cho doanh nghiệp ĐVCN.

b) Tác động về xã hội:

* *Tích cực:* Đáp ứng một phần việc phát huy nội lực của công nghiệp quốc gia trong việc phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

* *Tiêu cực:*

- Chưa huy động tối đa sự tham gia ĐVCN của các doanh nghiệp ngoài quân đội và khuyến khích, tạo điều kiện các thành phần kinh tế tham gia nhiệm vụ quốc phòng.

- Chưa phân định rõ trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp, dẫn đến nhiều nội dung trong thực hiện ĐVCN không triển khai hoặc triển khai không kịp thời, chồng chéo, trung gian qua nhiều khâu, nhiều cấp.

- Cơ quan có thẩm quyền chưa có đủ cơ sở pháp lý để thực hiện ĐVCN;

hạn chế việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện ĐVCN từ Trung ương đến địa phương và doanh nghiệp; tạo nên mảng trống về công tác quản lý doanh nghiệp trong ĐVCN, ảnh hưởng đến việc quản lý tiềm lực sẵn sàng huy động cho quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ.

- Ảnh hưởng đến việc xây dựng khu vực phòng thủ thành thể liên hoàn, vững chắc toàn diện. Ảnh hưởng đến việc chủ động chuẩn bị cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật cho tác chiến trong khu vực phòng thủ.

- Chưa bảo đảm quyền lợi của doanh nghiệp và cá nhân khi tham gia chuẩn bị và thực hành ĐVCN; chế độ, chính sách của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân thực hiện nhiệm vụ ĐVCN chưa đồng bộ, thống nhất với chế độ, chính sách của lực lượng khác khi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

d) Tác động về giới: Giải pháp này không phát sinh vấn đề về giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật:

* *Tích cực:* Bảo đảm sự ổn định của quy định pháp luật hiện hành về CNQP và ĐVCN.

* *Tiêu cực:*

- Không khắc phục được những bất cập nêu trên; không đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, toàn diện để tạo cơ sở pháp lý bảo đảm quyền lợi cho doanh nghiệp ngoài quân đội khi tham gia ĐVCN.

4.2. Giải pháp 2:

a) Tác động về kinh tế:

* *Tích cực:*

- Tăng nguồn lực cho quốc phòng sẽ góp phần phát triển sản xuất, khi triển khai và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, mục tiêu quốc gia, đề án về xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

- Tận dụng tối đa tiềm lực, năng lực, nội lực công nghiệp trong nước; phạm vi đối tượng áp dụng để triển khai nhiệm vụ ĐVCN được mở rộng đối với nhiều loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; đa dạng hóa sản phẩm ĐVCN; liên kết chặt chẽ, chuyên môn hóa giữa các doanh nghiệp để sản xuất sản phẩm; bảo đảm tính cạnh tranh lành mạnh, chống độc quyền trong sản xuất. Không gây lãng phí khi doanh nghiệp sáp nhập, chia tách, phá sản, giải thể, đổi mới công nghệ, thay đổi mục đích kinh doanh, tái cơ cấu...; giảm thiểu kinh phí đầu tư trang thiết bị để sản xuất hoàn chỉnh sản phẩm tại một doanh nghiệp. Giảm chi NSNN để hoàn chỉnh dây chuyền ĐVCN; doanh nghiệp có điều kiện phát triển sản phẩm, tăng năng lực công nghệ và trình độ quản lý, tham gia vào thị trường Việt Nam sâu rộng hơn, hiệu quả sử dụng

nguồn lực dành cho ĐVCN, đóng góp của doanh nghiệp cho xây dựng LLVTND và nền kinh tế quốc dân ngày càng tăng cao.

- Tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể để bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ ĐVCN; giảm các chi phí không cần thiết do xác định hợp lý nhiệm vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hiện ĐVCN.

- Các cơ quan chức năng (cơ quan quản lý, cơ quan thực hiện chi trả chế độ, chính sách...) có đủ cơ sở để thực hiện; chủ doanh nghiệp, người lao động có cơ hội tiếp cận và thực hiện các thủ tục để thụ hưởng chế độ, chính sách theo quy định; bảo đảm tính thống nhất, minh bạch; chi đúng chế độ, chính sách, đúng mục đích, đối tượng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả; không phát sinh thêm các khoản chi ngoài dự toán ngân sách đã được phê duyệt.

** Tiêu cực:*

- Tăng chi NSNN bảo đảm cho thực hiện một số nhiệm vụ ĐVCN như chi phí nhân lực khảo sát, đánh giá năng lực của doanh nghiệp.

- Phát sinh NSNN chỉ cho bảo đảm chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động khi thực hiện nhiệm vụ ĐVCN.

b) Tác động về xã hội:

** Tích cực:*

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có điều kiện tiếp cận thông tin, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và trách nhiệm tham gia xây dựng củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc; góp phần giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Duy trì, phát triển doanh nghiệp tham gia ĐVCN, tạo việc làm và thu nhập chính đáng cho người lao động. Cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp có đủ cơ sở pháp lý để thực hiện các hoạt động mang tính độc quyền (sản xuất các sản phẩm quân sự, bí mật quân sự), bảo đảm tiến độ với hoạt động sản xuất mang tính cạnh tranh (sản xuất sản phẩm phổ thông, lương dụng), bảo đảm công bằng, minh bạch, không phân biệt đối xử.

- Bảo đảm sự quản lý nhà nước thống nhất về thể chế, chính sách, chiến lược và quy hoạch đối với ngành, lĩnh vực; bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính quốc gia. Phát huy quyền tự chủ, chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành, lĩnh vực với quản lý theo lãnh thổ; phân định rõ nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa chính quyền địa phương các cấp đối với các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn lãnh thổ. Tạo cơ sở thực hiện các biện pháp xây dựng quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo thực hiện kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc trên địa bàn tỉnh; xây dựng và hoạt động tác chiến của bộ đội địa phương, dân quân tự vệ.

- Bảo đảm chế độ, chính sách theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ tiêu hao, bù đắp sức khỏe cho đối tượng thụ hưởng sẽ góp phần làm tăng thu nhập, bảo đảm lợi

ích, quyền lợi chính đáng, giúp ổn định tâm lý cho các đối tượng trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN; góp phần tạo sức hút để huy động thực hiện nhiệm vụ ĐVCN.

Bảo đảm sự công bằng đối với cùng một đối tượng có cùng điều kiện, tính chất hoạt động, đồng bộ, thống nhất với quy định pháp luật hiện hành; nâng cao trách nhiệm của chủ doanh nghiệp, người lao động và các đối tượng khác tham gia ĐVCN; nâng cao chất lượng, hiệu quả trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

* *Tiêu cực*: Việc mở rộng đối tượng ĐVCN bao gồm tất cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể phát sinh vấn đề về trách nhiệm hợp tác trong trường hợp đối tác không được phép tham gia vào sản xuất, sửa chữa sản phẩm quốc phòng của Việt Nam. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà tổng số cổ phần do tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài nắm giữ chiếm tỷ lệ cao sẽ khó huy động khi thực hành ĐVCN, đặc biệt là trong chiến tranh.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*: Quy trình, thủ tục rõ ràng, minh bạch, đơn giản hoá thủ tục hành chính trong triển khai thực hiện. Việc phân cấp, phân quyền cụ thể từ Trung ương đến bộ, ngành, địa phương, giảm các khâu trung gian, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành. Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

d) *Tác động về giới*:

* *Tích cực*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt về giới. Tăng cơ hội việc làm cho lao động nam và nữ, thu nhập và khả năng tiếp cận tới các dịch vụ xã hội cơ bản, mạng lưới an sinh xã hội.

* *Tiêu cực*: Không.

đ) *Tác động hệ thống pháp luật*:

* *Tích cực*: Khắc phục những hạn chế của Pháp lệnh CNQP và Pháp lệnh ĐVCN. Cụ thể hoá đầy đủ nội dung, tinh thần của Hiến pháp năm 2013. Xây dựng hệ thống quy phạm pháp luật đồng bộ thống nhất thực hiện chung đối với tất cả các cơ sở CNQP; đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành²¹; đảm bảo tương thích với Điều ước quốc tế.

* *Tiêu cực*: Cần phải xây dựng luật để thay thế Pháp lệnh và xây dựng các văn bản dưới luật để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

4.3. Giải pháp 3:

a) *Tác động về kinh tế*:

* *Tích cực*: Ngoài những tác động tích cực tương tự như Giải pháp 2, việc thực hiện Giải pháp 3 còn mang lại một số mặt tích cực sau:

- Bảo đảm công bằng, cạnh tranh bình đẳng trong sản xuất, kinh doanh; tạo

²¹ Các luật: Doanh nghiệp; NSNN; đầu tư; đầu tư công; quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh, doanh tại doanh nghiệp; đấu thầu; giá, xây dựng...

thêm việc làm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp và thu nhập của người lao động; huy động được tiềm năng kinh tế, tiếp thu công nghệ tiên tiến để nghiên cứu, áp dụng nhằm nâng cao năng lực sản xuất đối với doanh nghiệp; chủ động sản xuất được trang bị kỹ thuật, giảm nhập khẩu từ nước ngoài, có điều kiện dành nguồn vốn đầu tư cho quốc phòng, góp phần tiết kiệm NSNN.

- Giảm tối đa việc đầu tư cho CNQP đối với các lĩnh vực, ngành công nghiệp mà doanh nghiệp ngoài LLVTND có thế mạnh; giảm chi NSNN để hoàn chỉnh dây chuyền ĐVCN, mở rộng thị trường cho công nghiệp dân sinh; không làm tăng chi ngân sách.

- Tác động của chính sách đối với doanh nghiệp quốc phòng, an ninh thuộc LLVTND: Các doanh nghiệp này hoạt động theo pháp luật về CNQP và quy định của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh; do vậy, tác động Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện, quyền và lợi ích của doanh nghiệp; ngoài ra, doanh nghiệp còn có cơ hội được đầu tư nâng cao năng lực từ nguồn vốn tiết kiệm do thay đổi từ nhập khẩu trang bị kỹ thuật sang sản xuất trong nước.

- Tác động của chính sách đối với doanh nghiệp thuộc trường hợp được mở rộng trong các lĩnh vực: Công nghệ thông tin, tự động hóa, viễn thông, vật liệu mới, năng lượng, công nghiệp phụ trợ: Theo quy định các loại hình doanh nghiệp đều hoạt động bình đẳng theo quy định pháp luật, do vậy không có yếu tố tác động riêng biệt đối với loại hình doanh nghiệp thuộc diện mở rộng.

- Tác động của chính sách đối với việc mở rộng phạm vi đối tượng sử dụng sản phẩm ĐVCN đối với lực lượng Dân quân tự vệ: Việc sản xuất, sửa chữa các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật này tương tự như đối với vũ khí, trang bị kỹ thuật của Quân đội. Việc mở rộng chính sách góp phần xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, nâng cao năng lực để bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của Nhà nước tại địa phương; sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm.

* *Tiêu cực*: Tương tự như Giải pháp 2, việc thực hiện Chính sách làm phát sinh NSNN chỉ cho bảo đảm chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động khi thực hiện nhiệm vụ ĐVCN. Tuy nhiên, chi phí phát sinh thấp hơn so với Giải pháp 2 do phạm vi đối tượng tham gia ĐVCN hẹp hơn. Chi phí phát sinh cụ thể như sau: Phụ cấp thâm niên khoảng 1 - 2%; phụ cấp trách nhiệm, độc hại, thu hút khoản 3 - 4%; tổng các loại phụ cấp từ 4% - 6%. Tuy nhiên, khoản NSNN chỉ cho nhiệm vụ chuẩn bị ĐVCN để sản xuất các sản phẩm ĐVCN hằng năm không nhiều (chỉ từ 5 - 7 tỷ đồng/năm), do vậy mức tăng 4% - 6% (tương đương khoảng 300 - 400 triệu đồng/năm) là không đáng kể (định mức được tính trên cơ sở quy định tại Quyết định số 15/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp đặc thù quân sự đối với một số đối tượng trong QĐNDVN; Thông tư số 75/2019/TT-BQP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Quy định chi tiết và hướng dẫn công tác quản lý giá

trong Bộ Quốc phòng).

b) Tác động về xã hội:

* *Tích cực:* Tương tự như Giải pháp 2. Đồng thời, bảo đảm tính khả thi trong việc huy động doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động ĐVCN (chỉ huy động đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà thành viên hoặc cổ đông nước ngoài có tỷ lệ vốn góp không có quyền quyết định).

Bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc quy hoạch, bố trí các cơ sở ĐVCN phù hợp với Kế hoạch Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đã được Chủ tịch nước phê chuẩn; tạo điều kiện để sản xuất, sửa chữa hoàn chỉnh một loại trang bị kỹ thuật đáp ứng cho khu vực phòng thủ, khu vực, hướng chiến lược. Việc được tham gia vào sản xuất các sản phẩm có tính chất lưỡng dụng giúp các doanh nghiệp duy trì ổn định và phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, đóng góp cho an sinh xã hội của địa phương.

* *Tiêu cực:* Có thể phát sinh các vấn đề về hợp tác trong trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động ĐVCN.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Tương tự như Giải pháp 2.

d) Tác động về giới: Tương tự như Giải pháp 2.

đ) Tác động hệ thống pháp luật: Tương tự như Giải pháp 2.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích ở trên, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ***lựa chọn Giải pháp 3***. Cơ quan ban hành chính sách là Quốc hội.

PHẦN 3. LẤY Ý KIẾN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

I. LẤY Ý KIẾN

1. Quá trình đánh giá tác động của dự án Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đã tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm với các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương có liên quan, các nhà khoa học, quản lý trong và ngoài Quân đội, Công an, các nhà hoạt động thực tiễn về nội dung chính sách của dự án Luật; kết hợp hoạt động tư vấn trong suốt quá trình khởi động, nghiên cứu xây dựng Luật; tổ chức hội thảo lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia có kinh nghiệm xây dựng Luật; đồng thời triển khai các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến rộng rãi cơ quan, tổ chức và nhân dân về dự án Luật.

2. Lấy ý kiến và tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để chỉnh lý, bổ sung đảm bảo tính thống nhất, phù hợp trong hệ thống pháp luật Việt Nam, tính minh bạch, khách quan, khả thi của các quy định trong dự án Luật.

II. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi quyền hạn của mình, giám sát và đánh giá việc thi hành chính sách về Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

2. Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các Bộ, ngành liên quan chịu trách nhiệm đánh giá và thi hành chính sách Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp. *ml*

Như trên;

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (02b);
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công an;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Tổng cục CNQP (03b);
- Cục Quân lực/BTTM;
- Cục Pháp chế & CCHC, TP/BCA;
- Cục CNAN/BCA;
- Lưu: VT, TCCNQP. S15b.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Thượng tướng Nguyễn Tân Cương

